

BỘ TÀI CHÍNH
CỤC THUẾ

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: **2386** /CT - CS

Hà Nội, ngày 10 tháng 7 năm 2025

V/v bổ sung hướng dẫn xử lý một số vấn đề liên quan đến sắp xếp tổ chức bộ máy nhà nước trong các văn bản quy phạm pháp luật về quản lý thuế từ ngày 1/7/2025

Kính gửi:

- Văn phòng và các Ban thuộc Cục Thuế;
- Các Thuế tỉnh, thành phố thuộc Cục Thuế;
- Chi cục Thuế doanh nghiệp lớn;
- Chi cục Thuế thương mại điện tử;
- Các Thuế cơ sở thuộc Thuế tỉnh, thành phố.

Căn cứ Kết luận số 160-KL/TW ngày 31/5/2025 của Bộ Chính trị, Ban Bí thư về thực hiện nhiệm vụ sắp xếp tổ chức bộ máy và đơn vị hành chính, bảo đảm tiến độ, yêu cầu theo các nghị quyết, kết luận của Trung ương, Bộ Chính trị, Ban Bí thư;

Căn cứ Quyết định số 2229/QĐ-BTC ngày 30/6/2025 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung Quyết định số 381/QĐ-BTC ngày 26 tháng 02 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Cục Thuế; Quyết định số 1376/QĐ-CT ngày 30/6/2025 của Cục Thuế quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Thuế tỉnh, thành phố thuộc Cục Thuế; Quyết định số 1377/QĐ-CT ngày 30/6/2025 của Cục Thuế quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của Thuế cơ sở thuộc Thuế tỉnh, thành phố;

Để phù hợp với việc tiếp tục sắp xếp tổ chức bộ máy cơ quan thuế các cấp từ ngày 1/7/2025 trở đi, Cục Thuế bổ sung một số nội dung tại công văn số 204/CT-CS ngày 19/3/2025 như sau:

I. Về việc xử lý một số vấn đề liên quan đến sắp xếp tổ chức bộ máy nhà nước trong các văn bản quy phạm pháp luật về quản lý thuế tại công văn số 204/CT-CS:

1. Về tên gọi cơ quan thuế như sau:

- “Chi cục Thuế khu vực” được đổi tên gọi thành “Thuế tỉnh, thành phố”;
- “Đội Thuế cấp huyện” được đổi tên gọi thành “Thuế cơ sở”;

2. Về chức danh của người có thẩm quyền như sau:

- Chức danh “Chi cục trưởng Chi cục Thuế khu vực” được đổi thành “Trưởng Thuế tỉnh, thành phố”

- Chức danh Chi cục trưởng Chi cục Thuế thương mại điện tử và Chi cục trưởng Chi cục Thuế doanh nghiệp lớn được giữ nguyên;

- Chức danh “Đội trưởng Đội Thuế cấp huyện” được đổi thành “Trưởng Thuế cơ sở”.

3. Các phụ lục kèm theo công văn số 204/CT-CS được đổi tương ứng như trên.

II. Về nội dung phân cấp, phân quyền, phân định thẩm quyền chính quyền địa phương 2 cấp liên quan đến lĩnh vực thuế và quản lý thuế:

Ngày 11/6/2025, Chính phủ đã ban hành Nghị định số 122/2025/NĐ-CP quy định về phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực quản lý thuế và Nghị định số 125/2025/NĐ-CP quy định về phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương 02 cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Tài chính; Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 40/2025/TT-BTC sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư thuộc lĩnh vực quản lý thuế để phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương theo mô hình tổ chức chính quyền địa phương 02 cấp. Do đó, đề nghị các Trưởng Thuế tỉnh, thành phố phổ biến, quán triệt đầy đủ các nội dung phân cấp, phân quyền, phân định thẩm quyền tại các văn bản nêu trên, trong đó lưu ý một số nội dung như sau:

1. Về thẩm quyền xóa nợ thuế từ 15 tỷ đồng trở lên đối với doanh nghiệp, hợp tác xã tại Nghị định số 122/2025/NĐ-CP

Thẩm quyền quyết định xóa nợ đối với doanh nghiệp, hợp tác xã thuộc trường hợp quy định tại khoản 3 Điều 85 của Luật Quản lý thuế có khoản nợ tiền thuế, tiền chậm nộp, tiền phạt từ 15.000.000.000 đồng trở lên theo quy định tại khoản 4 Điều 87 Luật Quản lý thuế số 38/2019/QH14 được Thủ tướng Chính phủ phân quyền cho Bộ trưởng Bộ Tài chính.

2. Về các thẩm quyền được phân định cho Ủy ban nhân dân cấp xã Tại Nghị định số 125/2025/NĐ-CP:

Các thẩm quyền sau đây được chuyển từ Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện cho Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã tại Nghị định số 125/2025/NĐ-CP thực hiện gồm: quyết định thành lập Hội đồng tư vấn thuế cấp xã; ban hành quyết định cưỡng chế đối với các quyết định hành chính về quản lý thuế do chính cấp xã ban hành; phối hợp cấp, thu hồi giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh, hợp tác xã đối với trường hợp đã được xóa nợ; thực hiện phân hạng đất tính thuế sử dụng đất nông nghiệp; và thành lập Hội đồng định giá tài sản khi thực hiện cưỡng chế.

3. Về các nội dung sửa đổi, bổ sung để phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương theo mô hình tổ chức chính quyền địa phương 02 cấp tại Thông tư số 40/2025/TT-BTC:

- Về Hội đồng tư vấn thuế cấp xã đã có sự thay đổi về thành phần của Hội đồng gồm: Đội trưởng hoặc Phó Đội trưởng Đội thuế liên xã, phường, thị trấn hoặc tương đương được điều chỉnh thành công chức thuế. Trưởng Thuế cơ sở căn cứ thành phần và danh sách tham gia Hội đồng tư vấn thuế để đề nghị Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã ra quyết định thành lập Hội đồng tư vấn thuế.

- Về nhiệm vụ tổng hợp danh sách các hộ nộp thuế thuộc diện được xét miễn, giảm thuế sử dụng đất nông nghiệp trình Ủy ban nhân dân cấp xã của Đội thuế được điều chỉnh thành Thuế cơ sở.

- Về trách nhiệm kiểm tra và tổng hợp báo cáo của các xã, phường, đặc khu; trình Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương xem xét, quyết định việc miễn, giảm thuế sử dụng đất nông nghiệp cho các đối tượng trên địa bàn của Cục Thuế tỉnh, thành phố được điều chỉnh thành Thuế tỉnh, thành phố.

- Thẩm quyền quyết định miễn, giảm thuế sử dụng đất nông nghiệp theo quy định được Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương ủy quyền cho Ủy ban nhân dân cấp xã (trước đây ủy quyền cho Ủy ban nhân dân cấp huyện).

III. Ngoài ra, Cục Thuế bổ sung thêm các nội dung hướng dẫn chuyển đổi tên gọi cơ quan, chức danh thẩm quyền của các văn bản ban hành trong thời gian từ 1/3/2025 đến 30/6/2025 tại Phụ lục gửi kèm.

Cục Thuế thông báo đề Văn phòng, các Ban thuộc Cục Thuế, Chi cục Thuế doanh nghiệp lớn, Chi cục Thuế thương mại điện tử, Thuế các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương và Thuế cơ sở trực thuộc Thuế tỉnh, thành phố được biết và thực hiện thống nhất. /

Nơi nhận:

- Như trên;
- Cục trưởng (để báo cáo);
- Các Phó Cục trưởng (để p/h chỉ đạo);
- Website CT;
- Lưu VT, CS.

42

**KT. CỤC TRƯỞNG
PHÓ CỤC TRƯỞNG**



Đang Ngọc Minh

Phụ lục I
NGHỊ ĐỊNH SỐ 70/2025/NĐ-CP CỦA CHÍNH PHỦ SỬA ĐỔI, BỔ SUNG MỘT SỐ ĐIỀU CỦA NGHỊ ĐỊNH SỐ
123/2020/NĐ-CP NGÀY 19 THÁNG 10 NĂM 2020 CỦA CHÍNH PHỦ QUY ĐỊNH VỀ HÓA ĐƠN, CHỨNG TỪ
(Kèm theo công văn số 2386 /CT-CS ngày 10/07/2025 của Cục Thuế)

TT	ĐIỀU/KHOẢN	QUY ĐỊNH HIỆN HÀNH	NỘI DUNG CHUYỂN ĐỔI (Sau khi sắp xếp tổ chức bộ máy)
1	Khoản 2.d Điều 1	d) Bổ sung khoản 14 như sau: “14. <u>Cổng thông tin điện tử của Tổng cục Thuế</u> về hóa đơn điện tử dành cho người nộp thuế (sau đây gọi tắt là <u>Cổng thông tin điện tử của Tổng cục Thuế</u>) là điểm truy cập tập trung trên internet do <u>Tổng cục Thuế</u> cung cấp để người nộp thuế, cơ quan thuế, tổ chức truyền nhận và các cơ quan, tổ chức, cá nhân khác thực hiện các giao dịch về hóa đơn điện tử theo quy định. <u>Cổng thông tin điện tử của Tổng cục Thuế</u>: Gửi phản hồi tự động về việc xác nhận người nộp thuế đã gửi thành công và thông báo về thời điểm tiếp nhận chính thức hồ sơ, tài liệu, dữ liệu của người nộp thuế; gửi thông báo và kết quả giải quyết các nội dung liên quan đến hóa đơn điện tử của người nộp thuế (nếu có) thông qua tổ chức cung cấp dịch vụ hóa đơn điện tử (đối với trường hợp người nộp thuế đăng ký sử dụng hóa đơn điện tử qua tổ chức cung cấp dịch vụ hóa đơn điện tử) hoặc tài khoản sử dụng <u>Cổng thông tin điện tử của Tổng cục Thuế</u> hoặc địa chỉ thư điện tử đã đăng ký với cơ quan thuế (đối với trường hợp người nộp thuế đăng ký sử dụng hóa đơn điện tử trực tiếp tại <u>Cổng thông tin điện tử của Tổng cục Thuế</u>).”	d) Bổ sung khoản 14 như sau: “14. Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính của cơ quan thuế về hóa đơn điện tử dành cho người nộp thuế (sau đây gọi tắt Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính của cơ quan thuế) là điểm truy cập tập trung trên internet do Cục Thuế cung cấp để người nộp thuế, cơ quan thuế, tổ chức truyền nhận và các cơ quan, tổ chức, cá nhân khác thực hiện các giao dịch về hóa đơn điện tử theo quy định. Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính của cơ quan thuế: Gửi phản hồi tự động về việc xác nhận người nộp thuế đã gửi thành công và thông báo về thời điểm tiếp nhận chính thức hồ sơ, tài liệu, dữ liệu của người nộp thuế; gửi thông báo và kết quả giải quyết các nội dung liên quan đến hóa đơn điện tử của người nộp thuế (nếu có) thông qua tổ chức cung cấp dịch vụ hóa đơn điện tử (đối với trường hợp người nộp thuế đăng ký sử dụng hóa đơn điện tử qua tổ chức cung cấp dịch vụ hóa đơn điện tử) hoặc tài khoản sử dụng Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính của cơ quan thuế hoặc địa chỉ thư điện tử đã đăng ký với cơ quan thuế (đối với trường hợp người nộp thuế đăng ký sử dụng hóa đơn điện tử trực tiếp tại Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính của cơ quan thuế).”

TT	ĐIỀU/KHOẢN	QUY ĐỊNH HIỆN HÀNH	NỘI DUNG CHUYỂN ĐỔI (Sau khi sắp xếp tổ chức bộ máy)
2	Khoản 8 Điều 1	2. Hóa đơn điện tử khởi tạo từ máy tính tiền kết nối chuyển dữ liệu điện tử với cơ quan thuế đảm bảo nguyên tắc sau: a) Nhận biết được hóa đơn in từ máy tính tiền kết nối chuyển dữ liệu điện tử với cơ quan thuế; b) Không bắt buộc có chữ ký số; c) Khoản chi mua hàng hóa, dịch vụ sử dụng hóa đơn (hoặc sao chụp hóa đơn hoặc tra thông tin từ <u>Cổng thông tin điện tử của Tổng cục Thuế</u> về hóa đơn) được khởi tạo từ máy tính tiền được xác định là khoản chi có đủ hóa đơn, chứng từ hợp pháp khi xác định nghĩa vụ thuế.	c) Khoản chi mua hàng hóa, dịch vụ sử dụng hóa đơn (hoặc sao chụp hóa đơn hoặc tra thông tin từ Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính của cơ quan thuế về hóa đơn) được khởi tạo từ máy tính tiền được xác định là khoản chi có đủ hóa đơn, chứng từ hợp pháp khi xác định nghĩa vụ thuế.
3	Khoản 9 Điều 1	9. Sửa đổi, bổ sung khoản 3 Điều 12 như sau: “3. <u>Tổng cục Thuế</u> xây dựng thành phần chứa dữ liệu nghiệp vụ hóa đơn điện tử và phương thức truyền nhận với cơ quan thuế. Riêng với hóa đơn giá trị gia tăng kiêm tờ khai hoàn thuế, Tổng cục Hải quan xây dựng thành phần chứa dữ liệu nghiệp vụ đối với các nội dung trên hoá đơn dành cho cơ quan hải quan và ngân hàng thương mại là đại lý hoàn thuế. <u>Tổng cục Thuế</u> công bố thành phần chứa dữ liệu nghiệp vụ hóa đơn điện tử và phương thức truyền nhận với cơ quan quản lý thuế để áp dụng thống nhất; cung cấp công cụ hiển thị các nội dung của hóa đơn điện tử theo quy định tại Nghị định này.”	9. Sửa đổi, bổ sung khoản 3 Điều 12 như sau: “3. Cục Thuế xây dựng thành phần chứa dữ liệu nghiệp vụ hóa đơn điện tử và phương thức truyền nhận với cơ quan thuế. Riêng với hóa đơn giá trị gia tăng kiêm tờ khai hoàn thuế, Tổng cục Hải quan xây dựng thành phần chứa dữ liệu nghiệp vụ đối với các nội dung trên hoá đơn dành cho cơ quan hải quan và ngân hàng thương mại là đại lý hoàn thuế. Cục Thuế công bố thành phần chứa dữ liệu nghiệp vụ hóa đơn điện tử và phương thức truyền nhận với cơ quan quản lý thuế để áp dụng thống nhất; cung cấp công cụ hiển thị các nội dung của hóa đơn điện tử theo quy định tại Nghị định này.”

TT	ĐIỀU/KHOẢN	QUY ĐỊNH HIỆN HÀNH	NỘI DUNG CHUYỂN ĐỔI (Sau khi sắp xếp tổ chức bộ máy)
4	Khoản 10.a Điều 1	b) Doanh nghiệp, tổ chức kinh tế, tổ chức khác, hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh thuộc trường hợp được cấp hóa đơn điện tử có mã của cơ quan thuế theo từng lần phát sinh gửi đơn đề nghị cấp hóa đơn điện tử có mã của cơ quan thuế theo Mẫu số 06/ĐN-PSĐT Phụ lục IA ban hành kèm theo Nghị định này đến cơ quan thuế và truy cập vào <u>Cổng thông tin điện tử của Tổng cục Thuế</u> để lập hóa đơn điện tử. ... c.2) Đối với hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh c.2.1) Đối với hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh có địa điểm kinh doanh cố định: Hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh nộp hồ sơ đề nghị cấp hóa đơn điện tử có mã của cơ quan thuế theo từng lần phát sinh tại <u>Chi cục Thuế</u> quản lý nơi hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh tiến hành hoạt động kinh doanh. c.2.2) Đối với hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh không có địa điểm kinh doanh cố định: Hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh nộp hồ sơ đề nghị cấp hóa đơn điện tử có mã của cơ quan thuế theo từng lần phát sinh tại <u>Chi cục Thuế</u> nơi cá nhân cư trú hoặc nơi hộ kinh doanh, cá nhân đăng ký kinh doanh.	b) Doanh nghiệp, tổ chức kinh tế, tổ chức khác, hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh thuộc trường hợp được cấp hóa đơn điện tử có mã của cơ quan thuế theo từng lần phát sinh gửi đơn đề nghị cấp hóa đơn điện tử có mã của cơ quan thuế theo Mẫu số 06/ĐN-PSĐT Phụ lục IA ban hành kèm theo Nghị định này đến cơ quan thuế và truy cập vào Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính của cơ quan thuế để lập hóa đơn điện tử. ... c.2) Đối với hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh c.2.1) Đối với hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh có địa điểm kinh doanh cố định: Hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh nộp hồ sơ đề nghị cấp hóa đơn điện tử có mã của cơ quan thuế theo từng lần phát sinh tại Thuế cơ sở quản lý nơi hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh tiến hành hoạt động kinh doanh. c.2.2) Đối với hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh không có địa điểm kinh doanh cố định: Hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh nộp hồ sơ đề nghị cấp hóa đơn điện tử có mã của cơ quan thuế theo từng lần phát sinh tại Thuế cơ sở nơi cá nhân cư trú hoặc nơi hộ kinh doanh, cá nhân đăng ký kinh doanh
5	Khoản 11.b,c,d Điều 1	b) Bổ sung khoản 1a vào sau khoản 1 như sau: “1a. Trường hợp doanh nghiệp, tổ chức kinh tế, tổ chức khác, hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh đăng ký sử dụng hóa đơn điện tử:	b) Bổ sung khoản 1a vào sau khoản 1 như sau: “1a. Trường hợp doanh nghiệp, tổ chức kinh tế, tổ chức khác, hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh đăng ký sử dụng hóa đơn điện tử:

TT	ĐIỀU/KHOẢN	QUY ĐỊNH HIỆN HÀNH	NỘI DUNG CHUYỂN ĐỔI (Sau khi sắp xếp tổ chức bộ máy)
		a) Trong thời gian 01 ngày làm việc kể từ ngày tiếp nhận đăng ký, <u>Cổng thông tin điện tử của Tổng cục Thuế</u> tự động đối chiếu thông tin (bao gồm thông tin sinh trắc học theo quy định về định danh và xác thực điện tử của Chính phủ và lộ trình của cơ quan thuế) của người đại diện theo pháp luật, đại diện hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh, chủ doanh nghiệp tư nhân đăng ký sử dụng hóa đơn giữa dữ liệu về đăng ký doanh nghiệp, đăng ký thuế với dữ liệu tại Hệ thống Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư hoặc theo dữ liệu tại Hệ thống Định danh và xác thực điện tử. Trường hợp thông tin không khớp đúng, <u>Cổng thông tin điện tử của Tổng cục Thuế</u> tự động gửi Thông báo không chấp nhận hồ sơ đăng ký hóa đơn điện tử và cung cấp các trường thông tin không khớp đúng cho người nộp thuế ngay trong ngày làm việc hoặc chậm nhất ngày làm việc tiếp theo để người nộp thuế điều chỉnh thông tin đã kê khai hoặc liên hệ với cơ quan công an để điều chỉnh thông tin trong Hệ thống Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư hoặc Hệ thống Định danh và xác thực điện tử. Trường hợp thông tin khớp đúng, <u>Cổng thông tin điện tử của Tổng cục Thuế</u> tự động gửi yêu cầu đề nghị người nộp thuế xác nhận qua địa chỉ thư điện tử, số điện thoại của chủ doanh nghiệp tư nhân hoặc người đại diện pháp luật, đại diện hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh theo thông tin trong hồ sơ đăng ký thuế, đăng ký doanh nghiệp. Người nộp thuế có trách nhiệm trả lời xác nhận ngay trong ngày làm việc hoặc chậm nhất ngày làm việc tiếp theo; trường hợp quá thời hạn mà người nộp thuế chưa xác nhận hoặc xác nhận không thành công, <u>Cổng thông tin điện tử của Tổng cục Thuế</u> tự động gửi Thông	a) Trong thời gian 01 ngày làm việc kể từ ngày tiếp nhận đăng ký, Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính của cơ quan thuế tự động đối chiếu thông tin (bao gồm thông tin sinh trắc học theo quy định về định danh và xác thực điện tử của Chính phủ và lộ trình của cơ quan thuế) của người đại diện theo pháp luật, đại diện hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh, chủ doanh nghiệp tư nhân đăng ký sử dụng hóa đơn giữa dữ liệu về đăng ký doanh nghiệp, đăng ký thuế với dữ liệu tại Hệ thống Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư hoặc theo dữ liệu tại Hệ thống Định danh và xác thực điện tử. Trường hợp thông tin không khớp đúng, Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính của cơ quan thuế tự động gửi Thông báo không chấp nhận hồ sơ đăng ký hóa đơn điện tử và cung cấp các trường thông tin không khớp đúng cho người nộp thuế ngay trong ngày làm việc hoặc chậm nhất ngày làm việc tiếp theo để người nộp thuế điều chỉnh thông tin đã kê khai hoặc liên hệ với cơ quan công an để điều chỉnh thông tin trong Hệ thống Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư hoặc Hệ thống Định danh và xác thực điện tử. Trường hợp thông tin khớp đúng, Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính của cơ quan thuế tự động gửi yêu cầu đề nghị người nộp thuế xác nhận qua địa chỉ thư điện tử, số điện thoại của chủ doanh nghiệp tư nhân hoặc người đại diện pháp luật, đại diện hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh theo thông tin trong hồ sơ đăng ký thuế, đăng ký doanh nghiệp. Người nộp thuế có trách nhiệm trả lời xác nhận ngay trong ngày làm việc hoặc chậm nhất ngày làm việc tiếp theo; trường hợp quá thời hạn mà người nộp thuế chưa xác nhận hoặc xác nhận không thành công, Hệ thống

TT	ĐIỀU/KHOẢN	QUY ĐỊNH HIỆN HÀNH	NỘI DUNG CHUYỂN ĐỔI (Sau khi sắp xếp tổ chức bộ máy)
		báo không chấp nhận hồ sơ đăng ký hóa đơn điện tử cho người nộp thuế ngay trong ngày làm việc hoặc chậm nhất ngày làm việc tiếp theo. Cơ quan thuế áp dụng công nghệ sinh trắc học trong việc đăng ký sử dụng hóa đơn điện tử phù hợp quy định pháp luật. b) Trường hợp người nộp thuế đã xác nhận đúng thời hạn trên <u>Cổng thông tin điện tử của Tổng cục Thuế</u> và người nộp thuế không thuộc trường hợp: người đại diện theo pháp luật, đại diện hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh, chủ doanh nghiệp tư nhân đã từng hoặc đang là người đại diện theo pháp luật, đại diện hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh hoặc chủ doanh nghiệp tư nhân khác mà người nộp thuế đó có trạng thái mã số thuế không hoạt động tại địa chỉ đăng ký kinh doanh, người nộp thuế ngừng hoạt động chưa đóng mã số thuế, người nộp thuế tạm ngừng hoạt động nhưng chưa hoàn thành nghĩa vụ thuế; người nộp thuế có hành vi vi phạm về thuế, hóa đơn, chứng từ theo hướng dẫn của Bộ trưởng Bộ Tài chính thì trong thời hạn chậm nhất ngày làm việc tiếp theo, cơ quan thuế ban hành Thông báo chấp nhận đăng ký sử dụng hóa đơn điện tử theo quy định tại khoản 2 Điều này. c) Trường hợp kết quả đối chiếu thông tin khớp đúng, người nộp thuế xác nhận trên <u>Cổng thông tin điện tử của Tổng cục Thuế</u> đúng thời hạn nhưng người nộp thuế thuộc trường hợp người đại diện theo pháp luật, đại diện hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh hoặc chủ doanh nghiệp tư nhân đã từng hoặc đang là người đại diện theo pháp luật, đại diện hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh hoặc chủ doanh nghiệp	<u>thông tin giải quyết thủ tục hành chính của cơ quan thuế</u> tự động gửi Thông báo không chấp nhận hồ sơ đăng ký hóa đơn điện tử cho người nộp thuế ngay trong ngày làm việc hoặc chậm nhất ngày làm việc tiếp theo. Cơ quan thuế áp dụng công nghệ sinh trắc học trong việc đăng ký sử dụng hóa đơn điện tử phù hợp quy định pháp luật. b) Trường hợp người nộp thuế đã xác nhận đúng thời hạn trên Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính của cơ quan thuế và người nộp thuế không thuộc trường hợp: người đại diện theo pháp luật, đại diện hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh, chủ doanh nghiệp tư nhân đã từng hoặc đang là người đại diện theo pháp luật, đại diện hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh hoặc chủ doanh nghiệp tư nhân khác mà người nộp thuế đó có trạng thái mã số thuế không hoạt động tại địa chỉ đăng ký kinh doanh, người nộp thuế ngừng hoạt động chưa đóng mã số thuế, người nộp thuế tạm ngừng hoạt động nhưng chưa hoàn thành nghĩa vụ thuế; người nộp thuế có hành vi vi phạm về thuế, hóa đơn, chứng từ theo hướng dẫn của Bộ trưởng Bộ Tài chính thì trong thời hạn chậm nhất ngày làm việc tiếp theo, cơ quan thuế ban hành Thông báo chấp nhận đăng ký sử dụng hóa đơn điện tử theo quy định tại khoản 2 Điều này. c) Trường hợp kết quả đối chiếu thông tin khớp đúng, người nộp thuế xác nhận trên Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính của cơ quan thuế đúng thời hạn nhưng người nộp thuế thuộc trường hợp người đại diện theo pháp luật, đại diện hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh hoặc chủ doanh nghiệp tư nhân đã từng hoặc đang là người đại diện theo pháp luật, đại diện hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh

TT	ĐIỀU/KHOẢN	QUY ĐỊNH HIỆN HÀNH	NỘI DUNG CHUYỂN ĐỔI (Sau khi sắp xếp tổ chức bộ máy)
		tư nhân khác mà người nộp thuế đó có trạng thái mã số thuế không hoạt động tại địa chỉ đăng ký kinh doanh, người nộp thuế ngừng hoạt động chưa đóng mã số thuế, người nộp thuế tạm ngừng hoạt động nhưng chưa hoàn thành nghĩa vụ thuế; người nộp thuế có hành vi vi phạm về thuế, hóa đơn, chứng từ; người nộp thuế rủi ro về thuế cao theo hướng dẫn của Bộ trưởng Bộ Tài chính thì trong thời hạn 01 ngày làm việc kể từ ngày tiếp nhận đăng ký sử dụng hóa đơn điện tử của người nộp thuế, cơ quan thuế ban hành thông báo yêu cầu giải trình, bổ sung thông tin, tài liệu theo Mẫu số 01/TB-BSTT-NNT ban hành kèm theo Nghị định số 126/2020/NĐ-CP gửi cho người nộp thuế hoặc cơ quan thuế quản lý trực tiếp thực hiện xác minh hoạt động thực tế tại địa chỉ đã đăng ký của người nộp thuế theo quy định của pháp luật về quản lý thuế. ... c) Sửa đổi, bổ sung khoản 2 như sau: ... Đối với trường hợp doanh nghiệp, tổ chức kinh tế đăng ký chuyển dữ liệu hóa đơn điện tử theo hình thức gửi trực tiếp đến cơ quan thuế theo quy định tại điểm b khoản 3 Điều 22 của Nghị định này được cơ quan thuế ra thông báo chấp nhận đăng ký sử dụng hóa đơn điện tử theo Mẫu số 01/TB-ĐKĐT Phụ lục IB ban hành kèm theo Nghị định này nhưng chưa phối hợp với <u>Tổng cục Thuế</u> về cấu hình hạ tầng kỹ thuật, kiểm thử kết nối, truyền nhận dữ liệu thì chậm nhất trong thời gian 05 ngày làm việc kể từ ngày cơ quan thuế gửi thông báo theo Mẫu số 01/TB-ĐKĐT Phụ lục IB ban hành kèm theo Nghị định này, tổ chức cần chuẩn bị đủ điều kiện về hạ tầng kỹ thuật và thông báo cho <u>Tổng cục Thuế</u>	hoặc chủ doanh nghiệp tư nhân khác mà người nộp thuế đó có trạng thái mã số thuế không hoạt động tại địa chỉ đăng ký kinh doanh, người nộp thuế ngừng hoạt động chưa đóng mã số thuế, người nộp thuế tạm ngừng hoạt động nhưng chưa hoàn thành nghĩa vụ thuế; người nộp thuế có hành vi vi phạm về thuế, hóa đơn, chứng từ; người nộp thuế rủi ro về thuế cao theo hướng dẫn của Bộ trưởng Bộ Tài chính thì trong thời hạn 01 ngày làm việc kể từ ngày tiếp nhận đăng ký sử dụng hóa đơn điện tử của người nộp thuế, cơ quan thuế ban hành thông báo yêu cầu giải trình, bổ sung thông tin, tài liệu theo Mẫu số 01/TB-BSTT-NNT ban hành kèm theo Nghị định số 126/2020/NĐ-CP gửi cho người nộp thuế hoặc cơ quan thuế quản lý trực tiếp thực hiện xác minh hoạt động thực tế tại địa chỉ đã đăng ký của người nộp thuế theo quy định của pháp luật về quản lý thuế. ... c) Sửa đổi, bổ sung khoản 2 như sau: ... Đối với trường hợp doanh nghiệp, tổ chức kinh tế đăng ký chuyển dữ liệu hóa đơn điện tử theo hình thức gửi trực tiếp đến cơ quan thuế theo quy định tại điểm b khoản 3 Điều 22 của Nghị định này được cơ quan thuế ra thông báo chấp nhận đăng ký sử dụng hóa đơn điện tử theo Mẫu số 01/TB-ĐKĐT Phụ lục IB ban hành kèm theo Nghị định này nhưng chưa phối hợp với Cục Thuế về cấu hình hạ tầng kỹ thuật, kiểm thử kết nối, truyền nhận dữ liệu thì chậm nhất trong thời gian 05 ngày làm việc kể từ ngày cơ quan thuế gửi thông báo theo Mẫu số 01/TB-ĐKĐT Phụ lục IB ban hành kèm theo Nghị định này, tổ chức cần chuẩn bị đủ điều kiện về hạ tầng kỹ thuật và thông báo cho Cục Thuế để phối hợp kết nối. Thời

TT	ĐIỀU/KHOẢN	QUY ĐỊNH HIỆN HÀNH	NỘI DUNG CHUYỂN ĐỔI (Sau khi sắp xếp tổ chức bộ máy)
		để phối hợp kết nối. Thời gian thực hiện trong 10 ngày làm việc kể từ ngày <u>Tổng cục Thuế</u> nhận được đề nghị của doanh nghiệp, tổ chức. Trường hợp kết quả kiểm thử kết nối, truyền nhận dữ liệu thành công thì doanh nghiệp, tổ chức thực hiện gửi dữ liệu hóa đơn điện tử theo hình thức gửi trực tiếp đến cơ quan thuế theo quy định tại Điều 22 Nghị định này. Trường hợp sau 05 ngày làm việc kể từ ngày cơ quan thuế gửi thông báo theo Mẫu số 01/TB-ĐKĐT Phụ lục IB ban hành kèm theo Nghị định này, doanh nghiệp, tổ chức không thông báo cho Tổng cục Thuế để phối hợp kết nối hoặc kết quả kiểm thử kết nối, truyền nhận dữ liệu không thành công, doanh nghiệp, tổ chức thay đổi đăng ký sử dụng hóa đơn điện tử theo Mẫu số 01/ĐKTĐ-HĐĐT Phụ lục IA ban hành kèm theo Nghị định này và thực hiện chuyển dữ liệu qua tổ chức kết nối, nhận, truyền lưu trữ dữ liệu hóa đơn điện tử với cơ quan thuế.” ... d) Sửa đổi, bổ sung khoản 4 như sau: ... b) Trường hợp người nộp thuế thay đổi thông tin sử dụng hóa đơn điện tử không thuộc quy định tại điểm a khoản này, <u>Cổng thông tin điện tử của Tổng cục Thuế</u> gửi yêu cầu đề nghị người nộp thuế xác nhận qua địa chỉ thư điện tử hoặc điện thoại của chủ doanh nghiệp hoặc người đại diện theo pháp luật theo thông tin trong hồ sơ đăng ký thuế. Doanh nghiệp, tổ chức kinh tế, tổ chức khác, hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh sau khi thay đổi thông tin thì gửi lại cơ quan thuế thông tin đã thay đổi theo Mẫu số 01/ĐKTĐ-HĐĐT Phụ lục IA ban hành kèm theo Nghị định	gian thực hiện trong 10 ngày làm việc kể từ ngày Cục Thuế nhận được đề nghị của doanh nghiệp, tổ chức. Trường hợp kết quả kiểm thử kết nối, truyền nhận dữ liệu thành công thì doanh nghiệp, tổ chức thực hiện gửi dữ liệu hóa đơn điện tử theo hình thức gửi trực tiếp đến cơ quan thuế theo quy định tại Điều 22 Nghị định này. Trường hợp sau 05 ngày làm việc kể từ ngày cơ quan thuế gửi thông báo theo Mẫu số 01/TB-ĐKĐT Phụ lục IB ban hành kèm theo Nghị định này, doanh nghiệp, tổ chức không thông báo cho Tổng cục Thuế để phối hợp kết nối hoặc kết quả kiểm thử kết nối, truyền nhận dữ liệu không thành công, doanh nghiệp, tổ chức thay đổi đăng ký sử dụng hóa đơn điện tử theo Mẫu số 01/ĐKTĐ-HĐĐT Phụ lục IA ban hành kèm theo Nghị định này và thực hiện chuyển dữ liệu qua tổ chức kết nối, nhận, truyền lưu trữ dữ liệu hóa đơn điện tử với cơ quan thuế.” ... d) Sửa đổi, bổ sung khoản 4 như sau: ... b) Trường hợp người nộp thuế thay đổi thông tin sử dụng hóa đơn điện tử không thuộc quy định tại điểm a khoản này, Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính của cơ quan thuế gửi yêu cầu đề nghị người nộp thuế xác nhận qua địa chỉ thư điện tử hoặc điện thoại của chủ doanh nghiệp hoặc người đại diện theo pháp luật theo thông tin trong hồ sơ đăng ký thuế. Doanh nghiệp, tổ chức kinh tế, tổ chức khác, hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh sau khi thay đổi thông tin thì gửi lại cơ quan thuế thông tin đã thay đổi theo Mẫu số 01/ĐKTĐ-HĐĐT Phụ lục IA ban hành kèm theo Nghị định này qua Hệ

TT	ĐIỀU/KHOẢN	QUY ĐỊNH HIỆN HÀNH	NỘI DUNG CHUYỂN ĐỔI (Sau khi sắp xếp tổ chức bộ máy)
		này qua <u>Cổng thông tin điện tử</u> của Tổng cục Thuế hoặc qua tổ chức cung cấp dịch vụ hóa đơn điện tử, trừ trường hợp ngừng sử dụng hóa đơn điện tử theo quy định tại khoản 1 Điều 16 Nghị định này. <u>Cổng thông tin điện tử</u> của Tổng cục Thuế tiếp nhận mẫu đăng ký thay đổi thông tin và cơ quan thuế thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều này.	thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính của cơ quan thuế hoặc qua tổ chức cung cấp dịch vụ hóa đơn điện tử, trừ trường hợp ngừng sử dụng hóa đơn điện tử theo quy định tại khoản 1 Điều 16 Nghị định này. Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính của cơ quan thuế tiếp nhận mẫu đăng ký thay đổi thông tin và cơ quan thuế thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều này.
6	Khoản 12 Điều 1	12. Sửa đổi, bổ sung khoản 1, khoản 2 Điều 16 như sau: ... 2. Trình tự thực hiện ngừng sử dụng hóa đơn điện tử như sau: a) <u>Cổng thông tin điện tử</u> của Tổng cục Thuế ngừng tiếp nhận hóa đơn điện tử và không gửi thông báo ngừng sử dụng hóa đơn điện tử đối với người nộp thuế thuộc trường hợp quy định tại điểm a, điểm b, điểm d và hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh chuyển đổi phương pháp tính thuế tại điểm c khoản 1 Điều này kể từ ngày tổ chức, cá nhân chấm dứt hiệu lực mã số thuế hoặc kể từ ngày cơ quan thuế ban hành thông báo người nộp thuế không hoạt động tại địa chỉ đã đăng ký hoặc quyết định cưỡng chế nợ thuế. b) <u>Cổng thông tin điện tử</u> của Tổng cục Thuế gửi thông báo điện tử về việc ngừng sử dụng hóa đơn điện tử, ngừng sử dụng hóa đơn điện tử khởi tạo từ máy tính tiền (theo Mẫu số 01/TB-NSD Phụ lục IB ban hành kèm theo Nghị định này) và ngừng tiếp nhận hóa đơn điện tử, ngừng tiếp nhận hóa đơn điện tử khởi tạo từ máy tính tiền đối với người nộp thuế này thuộc trường hợp quy định tại điểm c, điểm h khoản 1 Điều này khi nhận được thông báo của cơ quan	12. Sửa đổi, bổ sung khoản 1, khoản 2 Điều 16 như sau: ... 2. Trình tự thực hiện ngừng sử dụng hóa đơn điện tử như sau: a) Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính của cơ quan thuế ngừng tiếp nhận hóa đơn điện tử và không gửi thông báo ngừng sử dụng hóa đơn điện tử đối với người nộp thuế thuộc trường hợp quy định tại điểm a, điểm b, điểm d và hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh chuyển đổi phương pháp tính thuế tại điểm c khoản 1 Điều này kể từ ngày tổ chức, cá nhân chấm dứt hiệu lực mã số thuế hoặc kể từ ngày cơ quan thuế ban hành thông báo người nộp thuế không hoạt động tại địa chỉ đã đăng ký hoặc quyết định cưỡng chế nợ thuế. b) Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính của cơ quan thuế gửi thông báo điện tử về việc ngừng sử dụng hóa đơn điện tử, ngừng sử dụng hóa đơn điện tử khởi tạo từ máy tính tiền (theo Mẫu số 01/TB-NSD Phụ lục IB ban hành kèm theo Nghị định này) và ngừng tiếp nhận hóa đơn điện tử, ngừng tiếp nhận hóa đơn điện tử khởi tạo từ máy tính tiền đối với người nộp thuế này thuộc trường hợp quy định tại

TT	ĐIỀU/KHOẢN	QUY ĐỊNH HIỆN HÀNH	NỘI DUNG CHUYỂN ĐỔI (Sau khi sắp xếp tổ chức bộ máy)
		nhà nước có thẩm quyền về việc tạm ngừng kinh doanh hoặc văn bản của người nộp thuế về việc tạm ngừng kinh doanh hoặc tạm ngừng sử dụng hóa đơn.	điểm c, điểm h khoản 1 Điều này khi nhận được thông báo của cơ quan nhà nước có thẩm quyền về việc tạm ngừng kinh doanh hoặc văn bản của người nộp thuế về việc tạm ngừng kinh doanh hoặc tạm ngừng sử dụng hóa đơn
7	Khoản 13 Điều 1	13. Sửa đổi tên Điều 19 và sửa đổi, bổ sung Điều 19 như sau ... 3. Trường hợp người bán thực hiện thông báo với cơ quan thuế theo Mẫu số 04/SS-HĐĐT Phụ lục IA ban hành kèm theo Nghị định này quy định tại điểm a khoản 1 Điều này thì <u>Cổng thông tin điện tử của Tổng cục Thuế</u> tự động thông báo về việc tiếp nhận theo Mẫu số 01/TB-SSĐT Phụ lục IB ban hành kèm theo Nghị định này.	13. Sửa đổi tên Điều 19 và sửa đổi, bổ sung Điều 19 như sau ... 3. Trường hợp người bán thực hiện thông báo với cơ quan thuế theo Mẫu số 04/SS-HĐĐT Phụ lục IA ban hành kèm theo Nghị định này quy định tại điểm a khoản 1 Điều này thì Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính của cơ quan thuế tự động thông báo về việc tiếp nhận theo Mẫu số 01/TB-SSĐT Phụ lục IB ban hành kèm theo Nghị định này.
8	Khoản 14.b Điều 1	14. Sửa đổi tên Điều 22, sửa đổi, bổ sung khoản 3 và bổ sung khoản 6 vào Điều 22 như sau: ... b) Sửa đổi, bổ sung khoản 3 như sau: 3. Chuyển dữ liệu hóa đơn điện tử không có mã của cơ quan thuế đã lập đến cơ quan thuế qua <u>Cổng thông tin điện tử của Tổng cục Thuế</u> (chuyển trực tiếp hoặc gửi qua tổ chức cung cấp dịch vụ hóa đơn điện tử). ... b) Doanh nghiệp, tổ chức kinh tế thực hiện chuyển dữ liệu hóa đơn điện tử đến cơ quan thuế theo định dạng dữ liệu theo quy định tại Điều 12 Nghị định này và hướng dẫn của <u>Tổng cục Thuế</u> bằng hình thức gửi trực tiếp (đối với trường hợp đáp ứng yêu cầu về chuẩn kết nối dữ liệu) hoặc gửi thông qua tổ chức cung cấp dịch vụ hóa đơn điện tử. b.1) Hình thức gửi trực tiếp	14. Sửa đổi tên Điều 22, sửa đổi, bổ sung khoản 3 và bổ sung khoản 6 vào Điều 22 như sau: ... b) Sửa đổi, bổ sung khoản 3 như sau: 3. Chuyển dữ liệu hóa đơn điện tử không có mã của cơ quan thuế đã lập đến cơ quan thuế qua Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính của cơ quan thuế (chuyển trực tiếp hoặc gửi qua tổ chức cung cấp dịch vụ hóa đơn điện tử). ... b) Doanh nghiệp, tổ chức kinh tế thực hiện chuyển dữ liệu hóa đơn điện tử đến cơ quan thuế theo định dạng dữ liệu theo quy định tại Điều 12 Nghị định này và hướng dẫn của Cục Thuế bằng hình thức gửi trực tiếp (đối với trường hợp đáp ứng yêu cầu về chuẩn kết nối dữ liệu) hoặc gửi thông qua tổ chức cung cấp dịch vụ hóa đơn điện tử. b.1) Hình thức gửi trực tiếp

TT	ĐIỀU/KHOẢN	QUY ĐỊNH HIỆN HÀNH	NỘI DUNG CHUYỂN ĐỔI (Sau khi sắp xếp tổ chức bộ máy)
		Trường hợp người bán là doanh nghiệp, tổ chức kinh tế đáp ứng điều kiện dưới đây thì người bán thực hiện chuyển dữ liệu hóa đơn điện tử đến cơ quan thuế theo định dạng dữ liệu theo quy định tại Điều 12 Nghị định này và hướng dẫn của <u>Tổng cục Thuế</u> bằng hình thức gửi trực tiếp: b.1.1) Doanh nghiệp, tổ chức kinh tế sử dụng hóa đơn bình quân từ 1.000.000 hóa đơn một tháng trở lên (tính theo số lượng hóa đơn bình quân năm trước liền kề), có hệ thống công nghệ thông tin đáp ứng yêu cầu về định dạng chuẩn dữ liệu và quy định tại khoản 4 Điều 12 Nghị định này, có nhu cầu chuyển dữ liệu hóa đơn điện tử theo hình thức gửi trực tiếp đến cơ quan thuế gửi văn bản kèm theo tài liệu chứng minh điều kiện đáp ứng đến <u>Tổng cục Thuế</u>. b.1.2) Doanh nghiệp, tổ chức kinh tế có tổ chức mô hình Công ty mẹ - con, có xây dựng hệ thống quản lý dữ liệu hóa đơn tập trung tại Công ty mẹ và có nhu cầu Công ty mẹ chuyển toàn bộ dữ liệu hóa đơn điện tử bao gồm cả dữ liệu của các công ty con đến cơ quan thuế qua <u>Công thông tin điện tử của Tổng cục Thuế</u> thì gửi kèm theo danh sách công ty con đến <u>Tổng cục Thuế</u> để thực hiện kết nối kỹ thuật.	Trường hợp người bán là doanh nghiệp, tổ chức kinh tế đáp ứng điều kiện dưới đây thì người bán thực hiện chuyển dữ liệu hóa đơn điện tử đến cơ quan thuế theo định dạng dữ liệu theo quy định tại Điều 12 Nghị định này và hướng dẫn của Cục Thuế bằng hình thức gửi trực tiếp: b.1.1) Doanh nghiệp, tổ chức kinh tế sử dụng hóa đơn bình quân từ 1.000.000 hóa đơn một tháng trở lên (tính theo số lượng hóa đơn bình quân năm trước liền kề), có hệ thống công nghệ thông tin đáp ứng yêu cầu về định dạng chuẩn dữ liệu và quy định tại khoản 4 Điều 12 Nghị định này, có nhu cầu chuyển dữ liệu hóa đơn điện tử theo hình thức gửi trực tiếp đến cơ quan thuế gửi văn bản kèm theo tài liệu chứng minh điều kiện đáp ứng đến Cục Thuế. b.1.2) Doanh nghiệp, tổ chức kinh tế có tổ chức mô hình Công ty mẹ - con, có xây dựng hệ thống quản lý dữ liệu hóa đơn tập trung tại Công ty mẹ và có nhu cầu Công ty mẹ chuyển toàn bộ dữ liệu hóa đơn điện tử bao gồm cả dữ liệu của các công ty con đến cơ quan thuế qua Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính của cơ quan thuế thì gửi kèm theo danh sách công ty con đến Cục Thuế để thực hiện kết nối kỹ thuật.
9	Khoản 15 Điều 1	15. Bổ sung Điều 22a vào sau Điều 22 như sau: ... a) Nghĩa vụ: a.1) Cung cấp dịch vụ nhận, truyền, lưu trữ dữ liệu hóa đơn với <u>Tổng cục Thuế</u> sau khi nhận được từ người sử dụng	15. Bổ sung Điều 22a vào sau Điều 22 như sau: ... a) Nghĩa vụ: a.1) Cung cấp dịch vụ nhận, truyền, lưu trữ dữ liệu hóa đơn với Cục Thuế sau khi nhận được từ người sử dụng dịch vụ

TT	ĐIỀU/KHOẢN	QUY ĐỊNH HIỆN HÀNH	NỘI DUNG CHUYỂN ĐỔI (Sau khi sắp xếp tổ chức bộ máy)
		dịch vụ (bao gồm cả tổ chức cung cấp dịch vụ hóa đơn điện tử chưa thực hiện kết nối với <u>Tổng cục Thuế</u>). ... b) Trách nhiệm: b.1) Thiết lập kênh kết nối chuyển dữ liệu đến <u>Tổng cục Thuế</u> đảm bảo liên tục, an ninh, an toàn. ... b.4) Thông báo kịp thời cho <u>Tổng cục Thuế</u> về các vấn đề ảnh hưởng đến việc cung cấp dịch vụ truyền, nhận dữ liệu hóa đơn điện tử với cơ quan thuế; phối hợp với <u>Tổng cục Thuế</u> xử lý vướng mắc phát sinh trong quá trình thực hiện. b.5) Thông báo cho <u>Tổng cục Thuế</u> và người sử dụng dịch vụ kế hoạch ngừng hoặc tạm ngừng cung cấp dịch vụ và biện pháp xử lý trước 30 ngày để phối hợp thực hiện và đảm bảo quyền lợi của người sử dụng dịch vụ. b.6) Thực hiện trách nhiệm khác theo thỏa thuận với <u>Tổng cục Thuế</u> và người sử dụng dịch vụ.	(bao gồm cả tổ chức cung cấp dịch vụ hóa đơn điện tử chưa thực hiện kết nối với Cục Thuế). ... b) Trách nhiệm: b.1) Thiết lập kênh kết nối chuyển dữ liệu đến Cục Thuế đảm bảo liên tục, an ninh, an toàn. ... b.4) Thông báo kịp thời cho Cục Thuế về các vấn đề ảnh hưởng đến việc cung cấp dịch vụ truyền, nhận dữ liệu hóa đơn điện tử với cơ quan thuế; phối hợp với Cục Thuế xử lý vướng mắc phát sinh trong quá trình thực hiện. b.5) Thông báo cho Cục Thuế và người sử dụng dịch vụ kế hoạch ngừng hoặc tạm ngừng cung cấp dịch vụ và biện pháp xử lý trước 30 ngày để phối hợp thực hiện và đảm bảo quyền lợi của người sử dụng dịch vụ. b.6) Thực hiện trách nhiệm khác theo thỏa thuận với Cục Thuế và người sử dụng dịch vụ.
10	Khoản 18.b Điều 1	18. Sửa đổi, bổ sung khoản 1, điểm k khoản 2 và khoản 3 Điều 32 như sau: ... b) Sửa đổi, bổ sung điểm k khoản 2 như sau: ... Đối với tổ chức thu phí, lệ phí sử dụng biên lai điện tử trong trường hợp cần điều chỉnh một số tiêu thức nội dung trên biên lai điện tử cho phù hợp với thực tế, tổ chức thu phí, lệ phí có văn bản trao đổi với Bộ Tài chính (<u>Tổng cục Thuế</u>,	18. Sửa đổi, bổ sung khoản 1, điểm k khoản 2 và khoản 3 Điều 32 như sau: ... b) Sửa đổi, bổ sung điểm k khoản 2 như sau: ... Đối với tổ chức thu phí, lệ phí sử dụng biên lai điện tử trong trường hợp cần điều chỉnh một số tiêu thức nội dung trên biên lai điện tử cho phù hợp với thực tế, tổ chức thu phí, lệ phí có văn bản trao đổi với Bộ Tài chính (Cục Thuế, Cục Hải quan) xem xét và có hướng dẫn trước khi thực hiện.

TT	ĐIỀU/KHOẢN	QUY ĐỊNH HIỆN HÀNH	NỘI DUNG CHUYỂN ĐỔI (Sau khi sắp xếp tổ chức bộ máy)
		<u>Tổng cục Hải quan</u>) xem xét và có hướng dẫn trước khi thực hiện.	
11	Khoản 20 Điều 1	20. Sửa đổi, bổ sung khoản 1 và khoản 3 Điều 33 như sau: ... c) <u>Tổng cục Thuế, Tổng cục Hải quan</u> xây dựng và công bố thành phần chứa dữ liệu nghiệp vụ chứng từ điện tử, thành phần chứa dữ liệu chữ ký số và cung cấp công cụ hiển thị các nội dung của chứng từ điện tử theo quy định tại Nghị định này.	20. Sửa đổi, bổ sung khoản 1 và khoản 3 Điều 33 như sau: ... c) Cục Thuế, Cục Hải quan xây dựng và công bố thành phần chứa dữ liệu nghiệp vụ chứng từ điện tử, thành phần chứa dữ liệu chữ ký số và cung cấp công cụ hiển thị các nội dung của chứng từ điện tử theo quy định tại Nghị định này.
12	Khoản 21 Điều 1	21. Sửa đổi tên Điều 34 và sửa đổi, bổ sung Điều 34 như sau: ... 1. Tổ chức, cá nhân khấu trừ thuế thu nhập cá nhân, khấu trừ thuế đối với hoạt động kinh doanh trên nền tảng thương mại điện tử, nền tảng số, tổ chức thu các khoản thuế, phí, lệ phí trước khi sử dụng chứng từ điện tử theo khoản 1 Điều 30 Nghị định này thì thực hiện đăng ký sử dụng qua <u>Cổng thông tin điện tử của Tổng cục Thuế, Tổng cục Hải quan</u> hoặc tổ chức cung cấp dịch vụ hóa đơn điện tử. Trường hợp tổ chức, cá nhân trả thu nhập không thuộc đối tượng áp dụng hóa đơn điện tử; tổ chức, cá nhân trả thu nhập sử dụng hóa đơn điện tử có mã của cơ quan thuế không phải trả tiền dịch vụ theo quy định tại khoản 11 Điều	21. Sửa đổi tên Điều 34 và sửa đổi, bổ sung Điều 34 như sau: ... 1. Tổ chức, cá nhân khấu trừ thuế thu nhập cá nhân, khấu trừ thuế đối với hoạt động kinh doanh trên nền tảng thương mại điện tử, nền tảng số, tổ chức thu các khoản thuế, phí, lệ phí trước khi sử dụng chứng từ điện tử theo khoản 1 Điều 30 Nghị định này thì thực hiện đăng ký sử dụng qua Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính của cơ quan thuế, Cổng thông tin điện tử của Tổng cục Hải quan hoặc tổ chức cung cấp dịch vụ hóa đơn điện tử. Trường hợp tổ chức, cá nhân trả thu nhập không thuộc đối tượng áp dụng hóa đơn điện tử; tổ chức, cá nhân trả thu nhập sử dụng hóa đơn điện tử có mã của cơ quan thuế không phải

TT	ĐIỀU/KHOẢN	QUY ĐỊNH HIỆN HÀNH	NỘI DUNG CHUYỂN ĐỔI (Sau khi sắp xếp tổ chức bộ máy)
		1 Nghị định này thì được lựa chọn đăng ký sử dụng chứng từ khấu trừ thuế thu nhập cá nhân điện tử thông qua <u>Cổng thông tin điện tử của Tổng cục Thuế</u> hoặc tổ chức cung cấp dịch vụ hóa đơn điện tử được Tổng cục Thuế ủy thác cung cấp dịch vụ chứng từ khấu trừ thuế thu nhập cá nhân điện tử không phải trả tiền dịch vụ. Nội dung thông tin đăng ký theo Mẫu số 01/ĐKTĐ-CTĐT Phụ lục IA ban hành kèm theo Nghị định này. <u>Cổng thông tin điện tử của Tổng cục Thuế</u>, Tổng cục Hải quan gửi thông báo theo Mẫu số 01/TB-TNĐT Phụ lục IB ban hành kèm theo Nghị định này về việc tiếp nhận đăng ký sử dụng chứng từ điện tử qua tổ chức cung cấp dịch vụ hóa đơn điện tử đối với trường hợp đăng ký sử dụng chứng từ điện tử thông qua tổ chức cung cấp dịch vụ hóa đơn điện tử. <u>Cổng thông tin điện tử của Tổng cục Thuế</u>, Tổng cục Hải quan gửi thông báo điện tử theo Mẫu số 01/TB-TNĐT Phụ lục IB ban hành kèm theo Nghị định này về việc tiếp nhận đăng ký sử dụng chứng từ điện tử cho tổ chức, cá nhân khấu trừ thuế, tổ chức thu các khoản phí, lệ phí, qua địa chỉ thư điện tử đã đăng ký với cơ quan thuế đối với trường hợp đăng ký sử dụng chứng từ điện tử trực tiếp tại <u>Cổng thông tin điện tử của Tổng cục Thuế</u>, Tổng cục Hải quan. 4. Trường hợp có thay đổi thông tin đã đăng ký sử dụng chứng từ điện tử tại khoản 1 Điều này, tổ chức, cá nhân khấu trừ thuế, tổ chức thu thuế, phí, lệ phí thuộc ngân sách	trả tiền dịch vụ theo quy định tại khoản 11 Điều 1 Nghị định này thì được lựa chọn đăng ký sử dụng chứng từ khấu trừ thuế thu nhập cá nhân điện tử thông qua Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính của cơ quan thuế hoặc tổ chức cung cấp dịch vụ hóa đơn điện tử được Cục Thuế ủy thác cung cấp dịch vụ chứng từ khấu trừ thuế thu nhập cá nhân điện tử không phải trả tiền dịch vụ. Nội dung thông tin đăng ký theo Mẫu số 01/ĐKTĐ-CTĐT Phụ lục IA ban hành kèm theo Nghị định này. Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính của cơ quan thuế, Cổng thông tin điện tử của Tổng cục Hải quan gửi thông báo theo Mẫu số 01/TB-TNĐT Phụ lục IB ban hành kèm theo Nghị định này về việc tiếp nhận đăng ký sử dụng chứng từ điện tử qua tổ chức cung cấp dịch vụ hóa đơn điện tử đối với trường hợp đăng ký sử dụng chứng từ điện tử thông qua tổ chức cung cấp dịch vụ hóa đơn điện tử. Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính của cơ quan thuế, Cổng thông tin điện tử của Tổng cục Hải quan gửi thông báo điện tử theo Mẫu số 01/TB-TNĐT Phụ lục IB ban hành kèm theo Nghị định này về việc tiếp nhận đăng ký sử dụng chứng từ điện tử cho tổ chức, cá nhân khấu trừ thuế, tổ chức thu các khoản phí, lệ phí, qua địa chỉ thư điện tử đã đăng ký với cơ quan thuế đối với trường hợp đăng ký sử dụng chứng từ điện tử trực tiếp tại Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính của cơ quan thuế, Cổng thông tin điện tử của Tổng cục Hải quan. ...

TT	ĐIỀU/KHOẢN	QUY ĐỊNH HIỆN HÀNH	NỘI DUNG CHUYỂN ĐỔI (Sau khi sắp xếp tổ chức bộ máy)
		nhà nước thực hiện thay đổi thông tin và gửi lại cơ quan quản lý thuế theo Mẫu số 01/ĐKTD-CTĐT Phụ lục IA ban hành kèm theo Nghị định này qua <u>Công thông tin điện tử của Tổng cục Thuế</u> , Tổng cục Hải quan hoặc qua tổ chức cung cấp dịch vụ hóa đơn điện tử, Công thông tin điện tử của Tổng cục Thuế, Tổng cục Hải quan tiếp nhận mẫu đăng ký thay đổi thông tin và cơ quan quản lý thuế thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều này.”	4. Trường hợp có thay đổi thông tin đã đăng ký sử dụng chứng từ điện tử tại khoản 1 Điều này, tổ chức, cá nhân khấu trừ thuế, tổ chức thu thuế, phí, lệ phí thuộc ngân sách nhà nước thực hiện thay đổi thông tin và gửi lại cơ quan quản lý thuế theo Mẫu số 01/ĐKTD-CTĐT Phụ lục IA ban hành kèm theo Nghị định này qua Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính của cơ quan thuế , Công thông tin điện tử của Tổng cục Hải quan hoặc qua tổ chức cung cấp dịch vụ hóa đơn điện tử, Công thông tin điện tử của Tổng cục Thuế, Tổng cục Hải quan tiếp nhận mẫu đăng ký thay đổi thông tin và cơ quan quản lý thuế thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều này.”
13	Khoản 22 Điều 1	22. Bổ sung Điều 34a và Điều 34b vào sau Điều 34 như sau: ... Tổ chức, cá nhân khấu trừ thuế thực hiện chuyển dữ liệu chứng từ khấu trừ thuế thu nhập cá nhân điện tử đến cơ quan thuế theo định dạng dữ liệu theo quy định tại Điều 33 Nghị định này qua tổ chức cung cấp dịch vụ hóa đơn điện tử; tổ chức khấu trừ thuế thu nhập cá nhân là tổ chức kết nối chuyển dữ liệu hóa đơn điện tử theo hình thức gửi trực tiếp đến cơ quan thuế thì chuyển dữ liệu chứng từ khấu trừ thuế thu nhập cá nhân qua <u>Công thông tin điện tử của Tổng cục Thuế</u> ; tổ chức, cá nhân trả thu nhập không thuộc đối tượng áp dụng hóa đơn điện tử và tổ chức, cá nhân trả thu nhập sử dụng hóa đơn điện tử có mã của cơ quan thuế không phải trả tiền dịch vụ theo quy định tại khoản 10 Điều 1 Nghị định này thì được lựa chọn chuyển dữ liệu chứng từ khấu trừ thuế thu nhập cá nhân điện tử thông qua <u>Công thông tin điện tử của Tổng cục Thuế</u> hoặc tổ chức cung cấp	22. Bổ sung Điều 34a và Điều 34b vào sau Điều 34 như sau: ... Tổ chức, cá nhân khấu trừ thuế thực hiện chuyển dữ liệu chứng từ khấu trừ thuế thu nhập cá nhân điện tử đến cơ quan thuế theo định dạng dữ liệu theo quy định tại Điều 33 Nghị định này qua tổ chức cung cấp dịch vụ hóa đơn điện tử; tổ chức khấu trừ thuế thu nhập cá nhân là tổ chức kết nối chuyển dữ liệu hóa đơn điện tử theo hình thức gửi trực tiếp đến cơ quan thuế thì chuyển dữ liệu chứng từ khấu trừ thuế thu nhập cá nhân qua Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính của cơ quan thuế ; tổ chức, cá nhân trả thu nhập không thuộc đối tượng áp dụng hóa đơn điện tử và tổ chức, cá nhân trả thu nhập sử dụng hóa đơn điện tử có mã của cơ quan thuế không phải trả tiền dịch vụ theo quy định tại khoản 10 Điều 1 Nghị định này thì được lựa chọn chuyển dữ liệu chứng từ khấu trừ thuế thu nhập cá nhân điện tử thông qua Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính của cơ quan thuế hoặc tổ chức cung cấp dịch vụ hóa

TT	ĐIỀU/KHOẢN	QUY ĐỊNH HIỆN HÀNH	NỘI DUNG CHUYỂN ĐỔI (Sau khi sắp xếp tổ chức bộ máy)
		dịch vụ hóa đơn điện tử được <u>Tổng cục Thuế</u> ủy thác cung cấp dịch vụ chứng từ khấu trừ thuế thu nhập cá nhân điện tử.	đơn điện tử được Cục Thuế ủy thác cung cấp dịch vụ chứng từ khấu trừ thuế thu nhập cá nhân điện tử.
14	Khoản 24 Điều 1	24. Sửa đổi, bổ sung khoản 1, khoản 2 và khoản 4 Điều 36 như sau: ... Trường hợp <u>Cục Thuế</u> hoặc <u>Cục Hải quan</u> đã đưa nội dung Thông báo phát hành biên lai lên trang thông tin điện tử của <u>Tổng cục Thuế</u> hoặc <u>Tổng cục Hải quan</u> thì không phải gửi thông báo phát hành biên lai đến <u>Cục Thuế</u> , <u>Cục Hải quan</u> khác.	24. Sửa đổi, bổ sung khoản 1, khoản 2 và khoản 4 Điều 36 như sau: ... Trường hợp Thuế tỉnh, thành phố, Chi cục Thuế thương mại điện tử, Chi cục Thuế doanh nghiệp lớn hoặc Chi cục Hải quan khu vực đã đưa nội dung Thông báo phát hành biên lai lên trang thông tin điện tử của Cục Thuế hoặc Cục Hải quan thì không phải gửi thông báo phát hành biên lai đến Thuế tỉnh, thành phố, Chi cục Thuế thương mại điện tử, Chi cục Thuế doanh nghiệp lớn hoặc Chi cục Hải quan khu vực khác.
15	Khoản 26 Điều 1	26. Bổ sung điểm g vào khoản 3 Điều 39 như sau: “g) Trình tự tiêu huỷ biên lai đối với hàng hoá xuất khẩu, nhập khẩu, quá cảnh, phương tiện vận tải xuất cảnh, nhập cảnh, quá cảnh thực hiện theo quy định tại điểm a, b, c, d, đ, e khoản này với <u>Cục Hải quan</u> .”	26. Bổ sung điểm g vào khoản 3 Điều 39 như sau: “g) Trình tự tiêu huỷ biên lai đối với hàng hoá xuất khẩu, nhập khẩu, quá cảnh, phương tiện vận tải xuất cảnh, nhập cảnh, quá cảnh thực hiện theo quy định tại điểm a, b, c, d, đ, e khoản này với Chi cục Hải quan khu vực .”

TT	ĐIỀU/KHOẢN	QUY ĐỊNH HIỆN HÀNH	NỘI DUNG CHUYỂN ĐỔI (Sau khi sắp xếp tổ chức bộ máy)
16	Khoản 29 Điều 1	29. Sửa đổi, bổ sung Điều 47 như sau: “Điều 47. Hình thức khai thác, sử dụng thông tin hóa đơn điện tử trên Cổng thông tin điện tử 1. Bên sử dụng thông tin là các doanh nghiệp, tổ chức kinh tế, hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh là người bán hàng hóa, cung cấp dịch vụ; các tổ chức, cá nhân là người mua hàng hóa, dịch vụ khai thác thông tin từ hóa đơn điện tử theo các nội dung thông tin từ <u>Cổng thông tin điện tử của Tổng cục Thuế</u>. 2. Bên sử dụng thông tin là các cơ quan quản lý nhà nước, các tổ chức tín dụng, tổ chức cung cấp dịch vụ hóa đơn điện tử: tra cứu, sử dụng thông tin hóa đơn điện tử, chứng từ điện tử theo phạm vi, thời gian, trách nhiệm và quyền truy cập Cổng thông tin điện tử về hóa đơn điện tử được quy định cụ thể tại văn bản thống nhất giữa hai bên. Bên sử dụng thông tin nêu tại khoản 2 Điều này có trách nhiệm phân công đầu mối đăng ký sử dụng thông tin hóa đơn điện tử (sau đây gọi tắt là đầu mối đăng ký) và thông báo cho <u>Tổng cục Thuế</u> bằng văn bản. 3. <u>Tổng cục Thuế, Cục Thuế</u> thực hiện cấp tối đa 02 tài khoản khai thác sử dụng thông tin hóa đơn điện tử cho người sử dụng của cơ quan, tổ chức quản lý đồng cấp theo văn bản giữa các bên.”	29. Sửa đổi, bổ sung Điều 47 như sau: “Điều 47. Hình thức khai thác, sử dụng thông tin hóa đơn điện tử trên Cổng thông tin điện tử 1. Bên sử dụng thông tin là các doanh nghiệp, tổ chức kinh tế, hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh là người bán hàng hóa, cung cấp dịch vụ; các tổ chức, cá nhân là người mua hàng hóa, dịch vụ khai thác thông tin từ hóa đơn điện tử theo các nội dung thông tin từ Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính của cơ quan thuế. 2. Bên sử dụng thông tin là các cơ quan quản lý nhà nước, các tổ chức tín dụng, tổ chức cung cấp dịch vụ hóa đơn điện tử: tra cứu, sử dụng thông tin hóa đơn điện tử, chứng từ điện tử theo phạm vi, thời gian, trách nhiệm và quyền truy cập Cổng thông tin điện tử về hóa đơn điện tử được quy định cụ thể tại văn bản thống nhất giữa hai bên. Bên sử dụng thông tin nêu tại khoản 2 Điều này có trách nhiệm phân công đầu mối đăng ký sử dụng thông tin hóa đơn điện tử (sau đây gọi tắt là đầu mối đăng ký) và thông báo cho Cục Thuế bằng văn bản. 3. Cục Thuế, Chi cục Thuế Thương mại điện tử, Chi cục Thuế doanh nghiệp lớn, Thuế tỉnh, thành phố thực hiện cấp tối đa 02 tài khoản khai thác sử dụng thông tin hóa đơn điện tử cho người sử dụng của cơ quan, tổ chức quản lý đồng cấp theo văn bản giữa các bên.”

TT	ĐIỀU/KHOẢN	QUY ĐỊNH HIỆN HÀNH	NỘI DUNG CHUYỂN ĐỔI (Sau khi sắp xếp tổ chức bộ máy)
17	Khoản 31 Điều 1	31. Sửa đổi tên Điều 49 và sửa đổi, bổ sung Điều 49 như sau: “Điều 49. Đăng ký mới, bổ sung thông tin đăng ký, thu hồi tài khoản truy cập Cổng thông tin điện tử để khai thác sử dụng thông tin hóa đơn điện tử 1. Đầu mỗi đăng ký của bên sử dụng thông tin gửi 01 văn bản đến <u>Tổng cục Thuế hoặc Cục Thuế</u> để đề nghị đăng ký mới hoặc bổ sung thông tin hoặc thu hồi tài khoản theo Mẫu số 01/CCTT-ĐK Phụ lục II ban hành kèm theo Nghị định này. 2. Trong thời hạn không quá 02 ngày làm việc kể từ khi nhận được văn bản đề nghị, <u>Tổng cục Thuế hoặc Cục Thuế</u> thực hiện việc cấp tài khoản mới hoặc bổ sung thông tin của tài khoản hoặc thu hồi tài khoản và thông báo cho bên sử dụng thông tin bằng văn bản. Trường hợp không chấp nhận đăng ký tài khoản hoặc không bổ sung thời hạn sử dụng của tài khoản phải nêu rõ lý do. Các tài khoản đăng ký mới cấp cho từng cá nhân được thông báo bằng hình thức gửi thư điện tử. 3. Thời hạn sử dụng tài khoản truy cập Cổng thông tin điện tử đối với cả trường hợp đăng ký mới và bổ sung thông tin là 12 tháng hoặc do bên sử dụng thông tin đề nghị nhưng không quá 12 tháng tính từ ngày <u>Tổng cục Thuế hoặc Cục Thuế</u> gửi văn bản thông báo kết quả đăng ký mới hoặc bổ sung thời hạn sử dụng cho đầu mỗi đăng ký của bên sử dụng thông tin.”	31. Sửa đổi tên Điều 49 và sửa đổi, bổ sung Điều 49 như sau: “Điều 49. Đăng ký mới, bổ sung thông tin đăng ký, thu hồi tài khoản truy cập Cổng thông tin điện tử để khai thác sử dụng thông tin hóa đơn điện tử 1. Đầu mỗi đăng ký của bên sử dụng thông tin gửi 01 văn bản đến Cục Thuế hoặc Chi cục Thuế thương mại điện tử, Chi cục Thuế doanh nghiệp lớn, Thuế tỉnh, thành phố để đề nghị đăng ký mới hoặc bổ sung thông tin hoặc thu hồi tài khoản theo Mẫu số 01/CCTT-ĐK Phụ lục II ban hành kèm theo Nghị định này. 2. Trong thời hạn không quá 02 ngày làm việc kể từ khi nhận được văn bản đề nghị, Cục Thuế hoặc Chi cục Thuế thương mại điện tử, Chi cục Thuế doanh nghiệp lớn, Thuế tỉnh, thành phố thực hiện việc cấp tài khoản mới hoặc bổ sung thông tin của tài khoản hoặc thu hồi tài khoản và thông báo cho bên sử dụng thông tin bằng văn bản. Trường hợp không chấp nhận đăng ký tài khoản hoặc không bổ sung thời hạn sử dụng của tài khoản phải nêu rõ lý do. Các tài khoản đăng ký mới cấp cho từng cá nhân được thông báo bằng hình thức gửi thư điện tử. 3. Thời hạn sử dụng tài khoản truy cập Cổng thông tin điện tử đối với cả trường hợp đăng ký mới và bổ sung thông tin là 12 tháng hoặc do bên sử dụng thông tin đề nghị nhưng không quá 12 tháng tính từ ngày Cục Thuế hoặc Chi cục Thuế thương mại điện tử, Chi cục Thuế doanh nghiệp lớn, Thuế tỉnh, thành phố gửi văn bản thông báo kết quả

TT	ĐIỀU/KHOẢN	QUY ĐỊNH HIỆN HÀNH	NỘI DUNG CHUYỂN ĐỔI (Sau khi sắp xếp tổ chức bộ máy)
			đăng ký mới hoặc bổ sung thời hạn sử dụng cho đầu mỗi đăng ký của bên sử dụng thông tin.”
18	Khoản 32 Điều 1	32. Sửa đổi, bổ sung khoản 1, khoản 3 Điều 50 như sau: 1. <u>Tổng cục Thuế, Cục Thuế</u> thực hiện việc thu hồi tài khoản truy cập Cổng thông tin điện tử trong các trường hợp sau: ... 3. Chậm nhất là 05 ngày làm việc trước thời điểm chính thức chấm dứt sử dụng các hình thức cung cấp, sử dụng thông tin hóa đơn điện tử của bên sử dụng thông tin (trừ trường hợp đầu mỗi đăng ký của bên sử dụng thông tin có đề nghị bằng văn bản), <u>Tổng cục Thuế, Cục Thuế</u> thông báo bằng hình thức điện tử cho bên sử dụng thông tin về việc chấm dứt sử dụng các hình thức cung cấp, sử dụng thông tin hóa đơn điện tử, chứng từ điện tử.	32. Sửa đổi, bổ sung khoản 1, khoản 3 Điều 50 như sau: 1. Cục Thuế, Chi cục Thuế thương mại điện tử, Chi cục Thuế doanh nghiệp lớn, Thuế tỉnh, thành phố thực hiện việc thu hồi tài khoản truy cập Cổng thông tin điện tử trong các trường hợp sau: ... 3. Chậm nhất là 05 ngày làm việc trước thời điểm chính thức chấm dứt sử dụng các hình thức cung cấp, sử dụng thông tin hóa đơn điện tử của bên sử dụng thông tin (trừ trường hợp đầu mỗi đăng ký của bên sử dụng thông tin có đề nghị bằng văn bản), Cục Thuế, Chi cục Thuế thương mại điện tử, Chi cục Thuế doanh nghiệp lớn, Thuế tỉnh, thành phố thông báo bằng hình thức điện tử cho bên sử dụng thông tin về việc chấm dứt sử dụng các hình thức cung cấp, sử dụng thông tin hóa đơn điện tử, chứng từ điện tử.
19	Khoản 33 Điều 1	33. Sửa đổi, bổ sung khoản 5 Điều 52 như sau: “5. Trường hợp tạm ngừng cung cấp thông tin hóa đơn điện tử, <u>Tổng cục Thuế</u> thực hiện thông báo trên <u>Cổng thông tin điện tử của Tổng cục Thuế</u> về hóa đơn điện tử với các bên sử dụng thông tin. Nội dung thông báo phải nêu rõ khoảng thời gian dự kiến phục hồi các hoạt động cung cấp thông tin.”	33. Sửa đổi, bổ sung khoản 5 Điều 52 như sau: “5. Trường hợp tạm ngừng cung cấp thông tin hóa đơn điện tử, Cục Thuế thực hiện thông báo trên Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính của cơ quan thuế về hóa đơn điện tử với các bên sử dụng thông tin. Nội dung thông báo phải nêu rõ khoảng thời gian dự kiến phục hồi các hoạt động cung cấp thông tin.”

TT	ĐIỀU/KHOẢN	QUY ĐỊNH HIỆN HÀNH	NỘI DUNG CHUYỂN ĐỔI (Sau khi sắp xếp tổ chức bộ máy)
20	Khoản 37 Điều 1	37. Bổ sung Điều 57a vào sau Điều 57 như sau: “Điều 57a. Trách nhiệm của cơ quan hải quan trong quản lý chứng từ điện tử 1. <u>Tổng cục Hải quan</u> có trách nhiệm: ... 2. <u>Cục Hải quan</u> có trách nhiệm: ...”	37. Bổ sung Điều 57a vào sau Điều 57 như sau: “Điều 57a. Trách nhiệm của cơ quan hải quan trong quản lý chứng từ điện tử 1. Cục Hải quan có trách nhiệm: ... 2. Chi cục Hải quan khu vực có trách nhiệm: ...”

Phụ lục II
THÔNG TƯ SỐ 31/2025/TT-BTC CỦA BỘ TÀI CHÍNH: SỬA ĐỔI, BỔ SUNG MỘT SỐ ĐIỀU CỦA THÔNG TƯ SỐ 23/2021/TT-BTC NGÀY 30 THÁNG 3 NĂM 2021 CỦA BỘ TRƯỞNG BỘ TÀI CHÍNH HƯỚNG DẪN VIỆC IN, PHÁT HÀNH, QUẢN LÝ VÀ SỬ DỤNG TEM ĐIỆN TỬ RƯỢU VÀ TEM ĐIỆN TỬ THUỐC LÁ
(Kèm theo công văn số 2386 /CT-CS ngày 10/07/2025 của Cục Thuế)

TT	ĐIỀU/KHOẢN	QUY ĐỊNH HIỆN HÀNH	NỘI DUNG CHUYỂN ĐỔI (Sau khi sắp xếp tổ chức bộ máy)
1	Điều 2	1. ... Thay thế cụm từ “Cục Thuế tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương”, “Cục Thuế các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương”, “Cục Thuế các tỉnh, thành phố”, thành “<u>Chi cục Thuế khu vực</u>” tại điểm a, điểm b khoản 1 Điều 6. ... Thay thế cụm từ “Chi cục Thuế” thành “<u>Đội Thuế cấp huyện</u>” tại điểm b khoản 1 Điều 6.	1... Thay thế cụm từ “Cục Thuế tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương”, “Cục Thuế các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương”, “Cục Thuế các tỉnh, thành phố”, thành “Thuế tỉnh, thành phố” tại điểm a, điểm b khoản 1 Điều 6. ... Thay thế cụm từ “Chi cục Thuế” thành “Thuế cơ sở” tại điểm b khoản 1 Điều 6.

Phụ lục III
THÔNG TƯ SỐ 40/2025/TT-BTC NGÀY 13/6/2025 CỦA BỘ TÀI CHÍNH VỀ VIỆC SỬA ĐỔI, BỔ SUNG MỘT SỐ
ĐIỀU CỦA CÁC THÔNG TƯ THUỘC LĨNH VỰC QUẢN LÝ THUẾ ĐỂ PHÂN ĐỊNH THẨM QUYỀN CỦA CHÍNH
QUYỀN ĐỊA PHƯƠNG THEO MÔ HÌNH TỔ CHỨC CHÍNH QUYỀN ĐỊA PHƯƠNG 02 CẤP

(Kèm theo công văn số ~~2386~~ /CT-CS ngày 10/07/2025 của Cục Thuế)

TT	ĐIỀU/KHOẢN	QUY ĐỊNH HIỆN HÀNH	NỘI DUNG CHUYỂN ĐỔI (Sau khi sắp xếp tổ chức bộ máy)
1	Khoản 3 Điều 1	3. Sửa đổi, bổ sung khoản 1, điểm b.2 khoản 3, khoản 4 Điều 7 như sau: “1. Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã căn cứ số lượng, quy mô kinh doanh, cá nhân kinh doanh của các hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh trên địa bàn để quyết định thành lập Hội đồng tư vấn thuế cấp xã theo đề nghị của <u>Đội trưởng</u> <u>Đội thuế</u>.” ... “4. Thủ tục thành lập Hội đồng tư vấn thuế a) Mặt trận tổ quốc cấp xã đề xuất, giới thiệu và gửi danh sách hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh tham gia Hội đồng tư vấn thuế cho <u>Đội thuế thuộc Chi cục Thuế khu vực</u>. <u>Đội thuế thuộc Chi cục Thuế khu vực</u> có trách nhiệm cung cấp thông tin về hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh theo danh sách để Mặt trận tổ quốc cấp xã lựa chọn. b) <u>Đội trưởng</u> <u>Đội thuế</u> căn cứ thành phần và danh sách tham gia Hội đồng tư vấn thuế để đề nghị Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã ra quyết định thành lập Hội đồng tư vấn thuế theo quy định tại Điều này (theo mẫu số 07-1/HĐTV ban hành kèm theo phụ lục I Thông tư này).”	3. Sửa đổi, bổ sung khoản 1, điểm b.2 khoản 3, khoản 4 Điều 7 như sau: “1. Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã căn cứ số lượng, quy mô kinh doanh, cá nhân kinh doanh của các hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh trên địa bàn để quyết định thành lập Hội đồng tư vấn thuế cấp xã theo đề nghị của Trưởng Thuế cơ sở.” ... “4. Thủ tục thành lập Hội đồng tư vấn thuế a) Mặt trận tổ quốc cấp xã đề xuất, giới thiệu và gửi danh sách hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh tham gia Hội đồng tư vấn thuế cho Thuế cơ sở thuộc Thuế tỉnh, thành phố. Thuế cơ sở thuộc Thuế tỉnh, thành phố có trách nhiệm cung cấp thông tin về hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh theo danh sách để Mặt trận tổ quốc cấp xã lựa chọn. b) Trưởng Thuế cơ sở căn cứ thành phần và danh sách tham gia Hội đồng tư vấn thuế để đề nghị Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã ra quyết định thành lập Hội đồng tư vấn thuế theo quy định tại Điều này (theo mẫu số 07-1/HĐTV ban hành kèm theo phụ lục I Thông tư này).”
2	Khoản 4 Điều 1	4. Sửa đổi, bổ sung khoản 3 Điều 9 như sau: “3. Quan hệ công tác trong việc cung cấp các thông tin tài liệu <u>Đội thuế thuộc Chi cục Thuế khu vực</u> có trách nhiệm cung cấp thông tin, tài liệu cho Hội đồng tư vấn thuế trong phạm	4. Sửa đổi, bổ sung khoản 3 Điều 9 như sau: “3. Quan hệ công tác trong việc cung cấp các thông tin tài liệu Thuế cơ sở thuộc Thuế tỉnh, thành phố có trách nhiệm cung cấp thông tin, tài liệu cho Hội đồng tư vấn thuế trong phạm

TT	ĐIỀU/KHOẢN	QUY ĐỊNH HIỆN HÀNH	NỘI DUNG CHUYỂN ĐỔI (Sau khi sắp xếp tổ chức bộ máy)
		vi quyền hạn của Hội đồng tư vấn thuế quy định tại Điều 10 Thông tư này.”	phạm vi quyền hạn của Hội đồng tư vấn thuế quy định tại Điều 10 Thông tư này.”
3	Khoản 5 Điều 1	5. Sửa đổi, bổ sung điểm đ khoản 2 Điều 11, khoản 4 Điều 11 như sau: “đ) Báo cáo bằng văn bản với Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã và <u>Đội trưởng Đội thuế thuộc Chi cục Thuế khu vực</u> trong trường hợp cá nhân hoặc các thành viên khác không thể tiếp tục tham gia Hội đồng tư vấn thuế;” “4. Hội đồng tư vấn thuế có trách nhiệm gửi kết quả tư vấn thuế cho Ủy ban nhân dân cấp xã cùng với thời điểm gửi kết quả tư vấn cho <u>Đội thuế thuộc Chi cục Thuế khu vực.</u> ”	5. Sửa đổi, bổ sung điểm đ khoản 2 Điều 11, khoản 4 Điều 11 như sau: “đ) Báo cáo bằng văn bản với Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã và Thuế cơ sở thuộc Thuế tỉnh, thành phố trong trường hợp cá nhân hoặc các thành viên khác không thể tiếp tục tham gia Hội đồng tư vấn thuế;” “4. Hội đồng tư vấn thuế có trách nhiệm gửi kết quả tư vấn thuế cho Ủy ban nhân dân cấp xã cùng với thời điểm gửi kết quả tư vấn cho Thuế cơ sở thuộc Thuế tỉnh, thành phố. ”
4	Khoản 6 Điều 1	6. Sửa đổi, bổ sung điểm d khoản 5 Điều 13 như sau: ... Trường hợp công trình trong cùng tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương (gồm: công trình liên xã, phường, đặc khu và công trình ở xã, phường, đặc khu khác với nơi nhà thầu đóng trụ sở), <u>Chi cục Thuế khu vực</u> phối hợp với Sở Tài chính tham mưu cho Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương quyết định phân bổ hạch toán thu ngân sách nhà nước theo địa bàn cấp xã.”	6. Sửa đổi, bổ sung điểm d khoản 5 Điều 13 như sau: ... Trường hợp công trình trong cùng tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương (gồm: công trình liên xã, phường, đặc khu và công trình ở xã, phường, đặc khu khác với nơi nhà thầu đóng trụ sở), Thuế tỉnh, thành phố phối hợp với Sở Tài chính tham mưu cho Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương quyết định phân bổ hạch toán thu ngân sách nhà nước theo địa bàn cấp xã.”
5	Điều 2	“b. <u>Đội thuế thuộc Chi cục Thuế khu vực</u> phối hợp với Hội đồng tư vấn thuế cấp xã căn cứ vào các quy định của Nhà nước và của Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương để kiểm tra lại tính đúng đắn, hợp pháp danh sách các hộ do cấp xã đề nghị giảm, miễn thuế sử dụng đất nông nghiệp và tổng hợp báo cáo <u>Chi cục Thuế khu vực.</u> ”	“b. Thuế cơ sở thuộc Thuế tỉnh, thành phố phối hợp với Hội đồng tư vấn thuế cấp xã căn cứ vào các quy định của Nhà nước và của Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương để kiểm tra lại tính đúng đắn, hợp pháp danh sách các hộ do cấp xã đề nghị giảm, miễn thuế sử dụng đất nông nghiệp và tổng hợp báo cáo Thuế tỉnh, thành phố. ”
6	Khoản 2 Điều 3	2. Sửa đổi, bổ sung Mục II như sau ... 1.1. Đối tượng nộp thuế sử dụng đất nông nghiệp do xã, phường, đặc khu quản lý:	2. Sửa đổi, bổ sung Mục II như sau ... 1.1. Đối tượng nộp thuế sử dụng đất nông nghiệp do xã, phường, đặc khu quản lý:

TT	ĐIỀU/KHOẢN	QUY ĐỊNH HIỆN HÀNH	NỘI DUNG CHUYỂN ĐỔI (Sau khi sắp xếp tổ chức bộ máy)
		a) <u>Đội thuế thuộc Chi cục Thuế khu vực</u> phối hợp với Hội đồng tư vấn thuế cấp xã có trách nhiệm: ... - Danh sách các đối tượng được xét miễn, giảm thuế phải được niêm yết công khai tại Ủy ban nhân dân cấp xã và các địa điểm thuận tiện để nhân dân biết và giám sát. Sau 10 ngày niêm yết, nếu không có ý kiến thắc mắc thì <u>Đội thuế thuộc Chi cục Thuế khu vực</u> tổng hợp danh sách các hộ nộp thuế thuộc diện được xét miễn, giảm thuế sử dụng đất nông nghiệp nêu trên trình Ủy ban nhân dân cấp xã. ... b) Ủy ban nhân dân cấp xã có trách nhiệm: ... - Phối hợp với <u>Đội thuế thuộc Chi cục Thuế khu vực</u> để xử lý các vướng mắc, các khiếu nại về thuế tại địa phương. ... 1.3. <u>Đội thuế thuộc Chi cục Thuế khu vực</u> phối hợp với Hội đồng tư vấn thuế cấp xã căn cứ vào các quy định của Nhà nước và của Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố kiểm tra lại tính chính xác và tính hợp pháp danh sách và mức đề nghị miễn, giảm thuế sử dụng đất nông nghiệp của từng hộ và tổng hợp báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương đồng thời gửi <u>Chi cục Thuế khu vực</u> để theo dõi tiến độ và tổng hợp. Riêng danh sách các hộ được xác định là hộ nghèo phải có xác nhận của cơ quan chuyên môn được Ủy ban nhân dân cấp xã giao thực hiện. 2. Tại tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương: <u>Chi cục Thuế khu vực</u> có trách nhiệm: ...	a) Thuế cơ sở thuộc Thuế tỉnh, thành phố phối hợp với Hội đồng tư vấn thuế cấp xã có trách nhiệm: ... - Danh sách các đối tượng được xét miễn, giảm thuế phải được niêm yết công khai tại Ủy ban nhân dân cấp xã và các địa điểm thuận tiện để nhân dân biết và giám sát. Sau 10 ngày niêm yết, nếu không có ý kiến thắc mắc thì Thuế cơ sở thuộc Thuế tỉnh, thành phố tổng hợp danh sách các hộ nộp thuế thuộc diện được xét miễn, giảm thuế sử dụng đất nông nghiệp nêu trên trình Ủy ban nhân dân cấp xã. ... b) Ủy ban nhân dân cấp xã có trách nhiệm: ... - Phối hợp với Đội thuế thuộc Thuế tỉnh, thành phố để xử lý các vướng mắc, các khiếu nại về thuế tại địa phương. ... 1.3. Thuế cơ sở thuộc Thuế tỉnh, thành phố phối hợp với Hội đồng tư vấn thuế cấp xã căn cứ vào các quy định của Nhà nước và của Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố kiểm tra lại tính chính xác và tính hợp pháp danh sách và mức đề nghị miễn, giảm thuế sử dụng đất nông nghiệp của từng hộ và tổng hợp báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương đồng thời gửi Thuế tỉnh, thành phố để theo dõi tiến độ và tổng hợp. Riêng danh sách các hộ được xác định là hộ nghèo phải có xác nhận của cơ quan chuyên môn được Ủy ban nhân dân cấp xã giao thực hiện. 2. Tại tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương: Thuế tỉnh, thành phố có trách nhiệm: ...

TT	ĐIỀU/KHOẢN	QUY ĐỊNH HIỆN HÀNH	NỘI DUNG CHUYỂN ĐỔI (Sau khi sắp xếp tổ chức bộ máy)
		* Để đảm bảo việc miễn, giảm thuế sử dụng đất nông nghiệp kịp thời theo quy định tại Thông tư này; Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương quyết định miễn, giảm thuế sử dụng đất nông nghiệp hoặc có thể ủy quyền cho Ủy ban nhân dân cấp xã quyết định. Trường hợp ủy quyền cho Ủy ban nhân dân cấp xã quyết định thì <u>Đội thuế thuộc Chi cục Thuế khu vực</u> phối hợp với Hội đồng tư vấn thuế cấp xã trình Ủy ban nhân dân cấp xã quyết định đồng thời gửi về <u>Chi cục Thuế khu vực</u> và Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương để báo cáo.	* Để đảm bảo việc miễn, giảm thuế sử dụng đất nông nghiệp kịp thời theo quy định tại Thông tư này; Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương quyết định miễn, giảm thuế sử dụng đất nông nghiệp hoặc có thể ủy quyền cho Ủy ban nhân dân cấp xã quyết định. Trường hợp ủy quyền cho Ủy ban nhân dân cấp xã quyết định thì Thuế cơ sở thuộc Thuế tỉnh, thành phố phối hợp với Hội đồng tư vấn thuế cấp xã trình Ủy ban nhân dân cấp xã quyết định đồng thời gửi về Thuế tỉnh, thành phố và Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương để báo cáo.
7	Khoản 3 Điều 4	3. Sửa đổi, bổ sung điểm a.1, a.2, a.3, a.4, a.5 khoản 2.2 Điều 16 như sau: ... a.3) Trường hợp người nộp thuế có quyền sử dụng đất đối với nhiều thửa đất ở tại các xã, phường, đặc khu và không có thửa đất nào vượt hạn mức nhưng tổng diện tích các thửa đất chịu thuế vượt quá hạn mức đất ở nơi có quyền sử dụng đất: người nộp thuế phải thực hiện lập tờ khai thuế cho từng thửa đất, nộp tại Ủy ban nhân dân cấp xã nơi có đất chịu thuế và lập tờ khai tổng hợp thuế nộp tại <u>Đội thuế thuộc Chi cục Thuế khu vực</u> nơi người nộp thuế chọn để làm thủ tục kê khai tổng hợp. a.4) Trường hợp người nộp thuế có quyền sử dụng đất đối với nhiều thửa đất ở tại các xã, phường, đặc khu khác nhau và chỉ có một (01) thửa đất vượt hạn mức đất ở nơi có quyền sử dụng đất thì người nộp thuế phải thực hiện lập tờ khai thuế cho từng thửa đất, nộp tại Ủy ban nhân dân cấp xã nơi có đất chịu thuế và phải lập tờ khai tổng hợp tại <u>Đội thuế thuộc Chi cục thuế khu vực</u> nơi có thửa đất ở vượt hạn mức.	3. Sửa đổi, bổ sung điểm a.1, a.2, a.3, a.4, a.5 khoản 2.2 Điều 16 như sau: ... a.3) Trường hợp người nộp thuế có quyền sử dụng đất đối với nhiều thửa đất ở tại các xã, phường, đặc khu và không có thửa đất nào vượt hạn mức nhưng tổng diện tích các thửa đất chịu thuế vượt quá hạn mức đất ở nơi có quyền sử dụng đất: người nộp thuế phải thực hiện lập tờ khai thuế cho từng thửa đất, nộp tại Ủy ban nhân dân cấp xã nơi có đất chịu thuế và lập tờ khai tổng hợp thuế nộp tại Thuế cơ sở thuộc Thuế tỉnh, thành phố nơi người nộp thuế chọn để làm thủ tục kê khai tổng hợp. a.4) Trường hợp người nộp thuế có quyền sử dụng đất đối với nhiều thửa đất ở tại các xã, phường, đặc khu khác nhau và chỉ có một (01) thửa đất vượt hạn mức đất ở nơi có quyền sử dụng đất thì người nộp thuế phải thực hiện lập tờ khai thuế cho từng thửa đất, nộp tại Ủy ban nhân dân cấp xã nơi có đất chịu thuế và phải lập tờ khai tổng hợp tại Thuế cơ sở thuộc Thuế tỉnh, thành phố nơi có thửa đất ở vượt hạn mức.

TT	ĐIỀU/KHOẢN	QUY ĐỊNH HIỆN HÀNH	NỘI DUNG CHUYỂN ĐỔI (Sau khi sắp xếp tổ chức bộ máy)
		a.5) Trường hợp người nộp thuế có quyền sử dụng đất đối với nhiều thửa đất ở tại các xã, phường, đặc khu và có thửa đất vượt hạn mức đất ở nơi có quyền sử dụng đất thì người nộp thuế phải thực hiện lập tờ khai thuế cho từng thửa đất và nộp tại Ủy ban nhân dân cấp xã nơi có đất chịu thuế; đồng thời lựa chọn <u>Đội thuế thuộc Chi cục Thuế khu vực</u> nơi có đất chịu thuế vượt hạn mức để thực hiện lập tờ khai tổng hợp.	a.5) Trường hợp người nộp thuế có quyền sử dụng đất đối với nhiều thửa đất ở tại các xã, phường, đặc khu và có thửa đất vượt hạn mức đất ở nơi có quyền sử dụng đất thì người nộp thuế phải thực hiện lập tờ khai thuế cho từng thửa đất và nộp tại Ủy ban nhân dân cấp xã nơi có đất chịu thuế; đồng thời lựa chọn Thuế cơ sở thuộc Thuế tỉnh, thành phố nơi có đất chịu thuế vượt hạn mức để thực hiện lập tờ khai tổng hợp.
8	Khoản 1 Điều 8	1. Sửa đổi, bổ sung điểm c, điểm d khoản 1; điểm a, điểm b, điểm đ khoản 5; điểm b.1, điểm b.2 khoản 9 Điều 13 như sau: ... “a) <u>Đội thuế thuộc Chi cục Thuế khu vực</u> thực hiện niêm yết công khai lần 1 tại bộ phận một cửa hoặc trụ sở của <u>Đội thuế thuộc Chi cục Thuế khu vực</u>, trụ sở Ủy ban nhân dân cấp xã, trụ sở Ban quản lý chợ; vị trí niêm yết tại cửa, công hoặc địa điểm thuận lợi cho việc tiếp cận thông tin, để người dân và hộ khoán giám sát; Thời gian niêm yết lần 1 từ ngày 20 tháng 12 đến ngày 31 tháng 12 hằng năm. b) <u>Đội thuế thuộc Chi cục Thuế khu vực</u> gửi tài liệu niêm yết công khai lần 1 đến Hội đồng nhân dân và Mặt trận Tổ quốc cấp xã chậm nhất là ngày 20 tháng 12 hằng năm, trong đó nêu rõ địa chỉ, thời gian <u>Đội thuế thuộc Chi cục Thuế khu vực</u> tiếp nhận ý kiến phản hồi (nếu có) của Hội đồng nhân dân và Mặt trận Tổ quốc cấp xã. Thời gian <u>Đội thuế thuộc Chi cục Thuế khu vực</u> tiếp nhận ý kiến phản hồi (nếu có) chậm nhất là ngày 31 tháng 12.	1. Sửa đổi, bổ sung điểm c, điểm d khoản 1; điểm a, điểm b, điểm đ khoản 5; điểm b.1, điểm b.2 khoản 9 Điều 13 như sau: ... “a) Thuế cơ sở thuộc Thuế tỉnh, thành phố thực hiện niêm yết công khai lần 1 tại bộ phận một cửa hoặc trụ sở của Thuế cơ sở thuộc Thuế tỉnh, thành phố, trụ sở Ủy ban nhân dân cấp xã, trụ sở Ban quản lý chợ; vị trí niêm yết tại cửa, công hoặc địa điểm thuận lợi cho việc tiếp cận thông tin, để người dân và hộ khoán giám sát; Thời gian niêm yết lần 1 từ ngày 20 tháng 12 đến ngày 31 tháng 12 hằng năm. b) Thuế cơ sở thuộc Thuế tỉnh, thành phố gửi tài liệu niêm yết công khai lần 1 đến Hội đồng nhân dân và Mặt trận Tổ quốc cấp xã chậm nhất là ngày 20 tháng 12 hằng năm, trong đó nêu rõ địa chỉ, thời gian Thuế cơ sở thuộc Thuế tỉnh, thành phố tiếp nhận ý kiến phản hồi (nếu có) của Hội đồng nhân dân và Mặt trận Tổ quốc cấp xã. Thời gian Thuế cơ sở thuộc Thuế tỉnh, thành phố tiếp nhận ý kiến phản hồi (nếu có) chậm nhất là ngày 31 tháng 12.

TT	ĐIỀU/KHOẢN	QUY ĐỊNH HIỆN HÀNH	NỘI DUNG CHUYỂN ĐỔI (Sau khi sắp xếp tổ chức bộ máy)
		đ) <u>Đội thuế thuộc Chi cục Thuế khu vực</u> có trách nhiệm tổng hợp các ý kiến phản hồi nội dung niêm yết công khai lần 1 của người dân, người nộp thuế, của Hội đồng nhân dân và Mặt trận Tổ quốc cấp xã để nghiên cứu điều chỉnh, bổ sung đối tượng quản lý, mức doanh thu dự kiến, mức thuế dự kiến trước khi tham vấn ý kiến Hội đồng tư vấn thuế.” “b) Ở cấp <u>Đội thuế thuộc Chi cục Thuế khu vực</u> b.1) <u>Đội thuế thuộc Chi cục Thuế khu vực</u> thực hiện niêm yết công khai lần 2 trước ngày 30 tháng 01 hằng năm tại bộ phận một cửa hoặc tại trụ sở của <u>Đội thuế thuộc Chi cục Thuế khu vực</u>, trụ sở Ủy ban nhân dân cấp xã, trụ sở Ban quản lý chợ; vị trí niêm yết tại cửa, cổng hoặc địa điểm thuận lợi cho việc tiếp cận thông tin, để người dân và hộ khoán giám sát. b.2) <u>Đội thuế thuộc Chi cục Thuế khu vực</u> gửi tài liệu niêm yết công khai lần 2 đến Hội đồng nhân dân và Mặt trận Tổ quốc cấp xã chậm nhất là ngày 30 tháng 01, trong đó nêu rõ địa chỉ, thời gian <u>Đội thuế thuộc Chi cục Thuế khu vực</u> tiếp nhận ý kiến phản hồi (nếu có) của Hội đồng nhân dân và Mặt trận Tổ quốc cấp xã”	đ) Thuế cơ sở thuộc Thuế tỉnh, thành phố có trách nhiệm tổng hợp các ý kiến phản hồi nội dung niêm yết công khai lần 1 của người dân, người nộp thuế, của Hội đồng nhân dân và Mặt trận Tổ quốc cấp xã để nghiên cứu điều chỉnh, bổ sung đối tượng quản lý, mức doanh thu dự kiến, mức thuế dự kiến trước khi tham vấn ý kiến Hội đồng tư vấn thuế.” “b) Ở cấp Thuế cơ sở thuộc Thuế tỉnh, thành phố b.1) Thuế cơ sở thuộc Thuế tỉnh, thành phố thực hiện niêm yết công khai lần 2 trước ngày 30 tháng 01 hằng năm tại bộ phận một cửa hoặc tại trụ sở của Thuế cơ sở thuộc Thuế tỉnh, thành phố, trụ sở Ủy ban nhân dân cấp xã, trụ sở Ban quản lý chợ; vị trí niêm yết tại cửa, cổng hoặc địa điểm thuận lợi cho việc tiếp cận thông tin, để người dân và hộ khoán giám sát. b.2) Thuế cơ sở thuộc Thuế tỉnh, thành phố gửi tài liệu niêm yết công khai lần 2 đến Hội đồng nhân dân và Mặt trận Tổ quốc cấp xã chậm nhất là ngày 30 tháng 01, trong đó nêu rõ địa chỉ, thời gian Thuế cơ sở thuộc Thuế tỉnh, thành phố tiếp nhận ý kiến phản hồi (nếu có) của Hội đồng nhân dân và Mặt trận Tổ quốc cấp xã”
9	Khoản 1 Điều 9	1. Sửa đổi, bổ sung khoản 2 Điều 20 như sau: “2. Tất cả các thông tin hạch toán số phải thu, đã thu, còn phải thu, phải hoàn, đã hoàn, còn phải hoàn, miễn, giảm, khoanh nợ, xóa nợ phải được xác định mã địa bàn hành chính tương ứng, cụ thể: a) Trường hợp mã cơ quan thu là <u>Chi cục Thuế khu vực</u>, Chi cục Thuế doanh nghiệp lớn, Chi cục Thuế thương mại điện tử thì mã địa bàn hành chính được xác định là cấp tỉnh.	1. Sửa đổi, bổ sung khoản 2 Điều 20 như sau: “2. Tất cả các thông tin hạch toán số phải thu, đã thu, còn phải thu, phải hoàn, đã hoàn, còn phải hoàn, miễn, giảm, khoanh nợ, xóa nợ phải được xác định mã địa bàn hành chính tương ứng, cụ thể: a) Trường hợp mã cơ quan thu là Thuế tỉnh, thành phố, Chi cục Thuế doanh nghiệp lớn, Chi cục Thuế thương mại điện tử thì mã địa bàn hành chính được xác định là cấp tỉnh.

TT	ĐIỀU/KHOẢN	QUY ĐỊNH HIỆN HÀNH	NỘI DUNG CHUYỂN ĐỔI (Sau khi sắp xếp tổ chức bộ máy)
		b) Trường hợp mã cơ quan thu là <u>Chi cục Thuế khu vực</u> , Chi cục Thuế doanh nghiệp lớn, Chi cục Thuế thương mại điện tử, <u>Đội thuế thuộc Chi cục Thuế khu vực</u> và khoản thu thuộc danh mục các khoản thu hạch toán cấp xã theo quy định của Kho bạc Nhà nước thì mã địa bàn hành chính được xác định là cấp xã.”	b) Trường hợp mã cơ quan thu Thuế tỉnh, thành phố , Chi cục Thuế doanh nghiệp lớn, Chi cục Thuế thương mại điện tử, Thuế cơ sở thuộc Thuế tỉnh, thành phố và khoản thu thuộc danh mục các khoản thu hạch toán cấp xã theo quy định của Kho bạc Nhà nước thì mã địa bàn hành chính được xác định là cấp xã.”
10	Khoản 1 Điều 10	1. Sửa đổi, bổ sung tiêu đề điểm b khoản 1 Điều 7 như sau: “b) Tổ hợp tác, tổ chức khác và các đơn vị phụ thuộc theo quy định tại điểm b, c, n khoản 2 Điều 4 Thông tư này nộp hồ sơ đăng ký thuế lần đầu tại <u>Chi cục Thuế khu vực</u> nơi tổ chức đóng trụ sở đối với tổ chức do cơ quan trung ương và cơ quan cấp tỉnh ra quyết định thành lập; tại <u>Đội thuế thuộc Chi cục Thuế khu vực</u> nơi tổ chức đóng trụ sở đối với tổ chức không do cơ quan trung ương và cơ quan cấp tỉnh ra quyết định thành lập và nơi tổ hợp tác đóng trụ sở.”	1. Sửa đổi, bổ sung tiêu đề điểm b khoản 1 Điều 7 như sau: “b) Tổ hợp tác, tổ chức khác và các đơn vị phụ thuộc theo quy định tại điểm b, c, n khoản 2 Điều 4 Thông tư này nộp hồ sơ đăng ký thuế lần đầu tại Thuế tỉnh, thành phố nơi tổ chức đóng trụ sở đối với tổ chức do cơ quan trung ương và cơ quan cấp tỉnh ra quyết định thành lập; tại Thuế cơ sở thuộc Thuế tỉnh, thành phố nơi tổ chức đóng trụ sở đối với tổ chức không do cơ quan trung ương và cơ quan cấp tỉnh ra quyết định thành lập và nơi tổ hợp tác đóng trụ sở.”
11	Khoản 2 Điều 10	2. Sửa đổi, bổ sung khoản 2 Điều 10 như sau: ... b.2.1) Người nộp thuế nộp hồ sơ thay đổi thông tin đăng ký thuế tại cơ quan thuế nơi chuyển đến trong thời hạn 10 (mười) ngày làm việc kể từ ngày cơ quan thuế nơi chuyển đi ban hành Thông báo về việc người nộp thuế chuyển địa điểm mẫu số 09-MST ban hành kèm theo Thông tư này. Cụ thể: - Người nộp thuế theo quy định tại điểm a, b, d, đ, h khoản 2 Điều 4 Thông tư này (trừ tổ hợp tác) nộp hồ sơ tại Chi cục Thuế khu vực nơi đặt trụ sở mới. - Người nộp thuế là tổ hợp tác theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 4 Thông tư này nộp hồ sơ tại <u>Đội thuế thuộc Chi cục Thuế khu vực</u> nơi đặt trụ sở mới.	2. Sửa đổi, bổ sung khoản 2 Điều 10 như sau: ... b.2.1) Người nộp thuế nộp hồ sơ thay đổi thông tin đăng ký thuế tại cơ quan thuế nơi chuyển đến trong thời hạn 10 (mười) ngày làm việc kể từ ngày cơ quan thuế nơi chuyển đi ban hành Thông báo về việc người nộp thuế chuyển địa điểm mẫu số 09-MST ban hành kèm theo Thông tư này. Cụ thể: - Người nộp thuế theo quy định tại điểm a, b, d, đ, h khoản 2 Điều 4 Thông tư này (trừ tổ hợp tác) nộp hồ sơ tại Thuế tỉnh, thành phố nơi đặt trụ sở mới. - Người nộp thuế là tổ hợp tác theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 4 Thông tư này nộp hồ sơ tại Thuế cơ sở thuộc Thuế tỉnh, thành phố nơi đặt trụ sở mới. - Người nộp thuế theo quy định tại điểm c, n khoản 2 Điều 4 Thông tư này nộp hồ sơ tại Thuế tỉnh, thành phố nơi

TT	ĐIỀU/KHOẢN	QUY ĐỊNH HIỆN HÀNH	NỘI DUNG CHUYỂN ĐỔI (Sau khi sắp xếp tổ chức bộ máy)
		- Người nộp thuế theo quy định tại điểm c, n khoản 2 Điều 4 Thông tư này nộp hồ sơ tại <u>Chi cục Thuế khu vực</u> nơi người nộp thuế đóng trụ sở (tổ chức do cơ quan trung ương và cơ quan cấp tỉnh ra quyết định thành lập); tại <u>Đội thuế thuộc Chi cục Thuế khu vực</u> nơi tổ chức đóng trụ sở (tổ chức không do cơ quan trung ương và cơ quan cấp tỉnh ra quyết định thành lập).	người nộp thuế đóng trụ sở (tổ chức do cơ quan trung ương và cơ quan cấp tỉnh ra quyết định thành lập); tại Thuế cơ sở thuộc Thuế tỉnh, thành phố nơi tổ chức đóng trụ sở (tổ chức không do cơ quan trung ương và cơ quan cấp tỉnh ra quyết định thành lập).